

“ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP”

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

(Thành lập năm 2000 theo Quyết định số 47/2000/QĐ – TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 18 tháng 04 năm 2000)

PHÁT HÀNH BỔ SUNG CỔ PHIẾU

(Giấy phép phát hành số..... /GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 2006)

Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Hóa An

✓ Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

✓ 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

✓ 25 Trần Bình Trọng, Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên:	Đình Lê Chiến
Chức vụ:	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Số điện thoại:	(84.61) 954 458 – 0903 900 115

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

(Thành lập năm 2000 theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 18 tháng 04 năm 2000)

PHÁT HÀNH BỔ SUNG CỔ PHIẾU

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa An
Mệnh giá: 10.000 (mười ngàn) đồng

Giá phát hành:

- ✓ **Giá phát hành cho cổ đông hiện tại:** giảm 40% so với giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, nhưng không thấp hơn mức giá do HĐQT Công ty xem xét, ấn định nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty.
- ✓ **Giá phát hành cho thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt:** bằng với giá phát hành cho cổ đông hiện tại.

Tổng số lượng phát hành: 1.701.500 cổ phiếu

- Phát hành cho cổ đông hiện tại: 1.501.500 cổ phiếu
- Phát hành cho thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt: 200.000 cổ phiếu

Tổng giá trị phát hành: 17.015.000.000 đồng
(tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Trụ sở chính

Địa chỉ: 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 821 8567 Fax: (84.8) 821 3867

E-mail: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 942 6718 Fax: (84.4) 942 6719

Email: ssi_hn@ssi.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ **Công ty Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 827 2295 Fax: (84.8) 827 2298 – 827 2300

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	1
1.	Tổ chức phát hành.....	1
2.	Tổ chức tư vấn.....	1
II.	CÁC KHÁI NIỆM.....	2
III.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	3
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	7
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	7
3.1	Nhóm quản lý và điều hành.....	7
3.2	Nhóm tác nghiệp.....	9
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	11
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	11
6.	Hoạt động kinh doanh.....	11
6.1.	Mỏ đá Hóa An.....	11
6.2.	Chủng loại và chất lượng sản phẩm.....	13
6.3.	Giá trị sản lượng sản phẩm qua các năm.....	14
6.4.	Nguyên vật liệu.....	15
6.5.	Máy móc thiết bị.....	16
6.6.	Chi phí sản xuất.....	17
6.7.	Quy trình sản xuất.....	18
6.8.	Tình hình nghiên cứu và phát triển.....	20
6.9.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	20
6.10.	Hoạt động bán hàng và marketing.....	21
6.11.	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	21
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần nhất.....	22
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	22
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	23
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	23
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành.....	23
8.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	23
8.3	Thị trường.....	24
9.	Chính sách đối với người lao động.....	25
10.	Chính sách cổ tức.....	26
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	26
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	26
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	27
12.	Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.....	28
13.	Tài sản.....	34
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	34
15.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty.....	35
15.1.	Kế hoạch ngắn hạn.....	35
15.2.	Kế hoạch dài hạn.....	36
15.3.	Chiến lược và kế hoạch kinh doanh.....	37
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	37
17.	Thông tin và những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	37
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán.....	37
IV.	CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH.....	38
1.	Loại chứng khoán.....	38
2.	Mệnh giá.....	38
3.	Tổng số chứng khoán phát hành và niêm yết bổ sung.....	38

4.	Giá phát hành dự kiến.....	38
5.	Phương pháp tính giá.....	38
6.	Phương thức phân phối.....	38
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu (dự kiến).....	39
8.	Kế hoạch chào bán cổ phần.....	39
9.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	42
10.	Các loại thuế có liên quan.....	42
11.	Ngân hàng mở tài khoản nhận tiền mua cổ phiếu.....	44
V.	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH.....	44
VI.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH.....	44
1.	Mục đích phát hành.....	44
2.	Phương án khả thi các dự án đầu tư.....	45
2.1.	Dự án Đầu tư, khai thác mỏ đá Thường Tân:.....	45
d.	Tiến độ thực hiện dự án.....	46
2.2.	Dự án đầu tư, khai thác mỏ đá Phước Tân.....	46
b.	Tính khả thi của dự án.....	46
c.	Phân tích hiệu quả của dự án.....	47
d.	Tiến độ thực hiện dự án:.....	47
2.3.	Dự án góp vốn liên doanh vào Nhà máy Xi măng Tây Ninh (Tafico):.....	47
VII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH.....	50
1.	Tổ chức tư vấn.....	50
2.	Tổ chức kiểm toán.....	50
VIII.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH.....	51
1.	Rủi ro về kinh tế.....	51
2.	Rủi ro từ đặc điểm kinh doanh.....	52
3.	Rủi ro về pháp luật.....	52
4.	Rủi ro khác.....	53
IX.	PHỤ LỤC.....	54

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Ông Trần Phương Tùng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông Lại Duy Hồng Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà Lê Thị Quyết Chức vụ: Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty và các chi nhánh của Công ty cũng như đánh giá về các quyền kèm theo chứng khoán phát hành.

2. Tổ chức tư vấn

- Ông Nguyễn Hồng Nam Chức vụ: Giám đốc điều hành

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ xin phép phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Hóa An. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Hóa An cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

Trong giới hạn của Bản cáo bạch này, những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu hoặc có thể gây hiểu lầm được định nghĩa hay giải thích cụ thể như sau:

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- TTGDCK: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty: Công ty Cổ phần Hóa An
- Công ty KTĐ và Công ty Khai thác đá và Vật liệu xây dựng VLXD:
- TCT VLXD số 1: Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1
- Đá 1x1, 1x2, v.v...: đá xây dựng được chế biến (nghiền) theo các kích thước tương đối 1cm x 1cm, 1 cm x 2cm v.v...

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Tên gọi Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**
- Tên giao dịch đối ngoại: **HOA AN JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch viết tắt: **HOAAN STOCK. Co**
- Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: (84.61) 954 458 – 954 491 – 954 632
- Số fax: (84.61) 954 754
- Ngày 08/06/2000, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000008 với Vốn điều lệ là 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 21/05/2003 với Vốn điều lệ là 35.000.000.000 (Ba mươi lăm tỷ) đồng .
- Ngày 09 tháng 06 năm 2006, UBCKNN cấp quyết định cho Công ty phát hành thêm 1.155.000 cổ phiếu, theo phương thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hành theo tỷ lệ 10 cổ phiếu cũ sẽ được nhận thêm 03 cổ phiếu mới, tăng Vốn điều lệ của Công ty lên 50.050.000.000 đồng
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh Công ty đăng ký bao gồm:
 - Khai thác và chế biến khoáng sản;
 - Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - Đầu tư và kinh doanh hạ tầng, nhà ở, bến bãi, kho tàng;
 - Nhận thầu xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
 - Dịch vụ vận chuyển du lịch, công nghệ khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng;
 - Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng và xuất khẩu lao động, chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Tài khoản số: 710A.00021 – Tại Ngân hàng Công thương Đồng Nai
- Mã số thuế: 3600464464
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Khai thác đá và Vật liệu xây dựng Hóa An trực thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 (Bộ Xây dựng). Tóm tắt quá trình hình thành phát triển của Công ty Khai thác đá và Vật liệu xây dựng Hóa An và giai đoạn phát triển sau cổ phần hóa của Công ty như sau:

Công ty Khai thác đá và Vật liệu xây dựng Hóa An

Công ty Khai thác đá và Vật liệu xây dựng Hóa An (Công ty KTĐ và VLXD Hóa An) là một doanh nghiệp nhà nước đã có quá trình hình thành và phát triển trên 20 năm trong

lĩnh vực khai thác đá vật liệu xây dựng. Khởi nguồn của Công ty KTĐ và VLXD Hóa An là phân xưởng đá Hóa An – một phân xưởng của Xí nghiệp đá Bình Hòa (Xí nghiệp đá Bình Hòa được thành lập theo QĐ số 1309/BXD – TCCB ngày 29 tháng 7 năm 1978), hoạt động khai thác đá tại xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai. Năm 1979, Xí nghiệp đá Bình Hòa chuyển địa điểm khai thác về Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Sản lượng khai thác đá các loại lúc bấy giờ bình quân từ 25.000 đến 30.000 m³/năm.

Ngày 01 tháng 09 năm 1980, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 28/BXD – TCCB chuyển phân xưởng đá Hóa An thuộc Xí nghiệp đá Bình Hòa thành Xí nghiệp đá Hóa An trực thuộc Công ty Vật liệu xây dựng số 1 (Bộ Xây dựng) với công suất thiết kế ban đầu là 50.000 m³/năm đá các loại.

Cuối năm 1984, với sự chấp thuận của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (Công văn số 917/KH.VPTT ngày 11 tháng 08 năm 1984). Bộ Xây dựng ra Quyết định số 599/BXD.XDCB ngày 30 tháng 11 năm 1984 cho phép nâng sản lượng khai thác đá lên 200.000 m³/năm.

Ngày 12 tháng 02 năm 1993, thành lập Xí nghiệp Khai thác đá Hóa An trực thuộc Liên hiệp Các xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 (Bộ Xây dựng) theo Quyết định số 042A/BXD - TCLĐ của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng vốn của Xí nghiệp là 1.858.000.000 (một tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu) đồng, trong đó vốn lưu động là 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng.

Năm 1994 Xí nghiệp Khai thác đá Hóa An đã nâng công suất khai thác từ 200.000 m³/năm lên 500.000 m³/năm theo Quyết định số 480 BXD/KH – ĐT ngày 12 tháng 11 năm 1994 của Bộ Xây dựng. Việc nâng công suất nhằm đáp ứng nhu cầu đá xây dựng ngày càng tăng trong xây dựng dân dụng, phát triển hạ tầng cơ sở và điều kiện địa chất mỏ cho phép.

Năm 1995, Xí nghiệp Khai thác đá Hóa An được đổi tên thành Công ty KTĐ và VLXD Hóa An theo Quyết định số 200/BXD – TCCB của Bộ Xây dựng ban hành ngày 27 tháng 03 năm 1995. Công ty KTĐ và VLXD Hóa An là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1.

Trong quá trình hoạt động, Công ty KTĐ và VLXD Hóa An đã mạnh dạn đầu tư nâng cấp thiết bị, nâng cao khả năng khai thác. Năm 1996, Công ty KTĐ và VLXD Hóa An mua máy nghiền Allis (Hoa Kỳ) trị giá 1,1 triệu USD (12 tỷ đồng) với công suất 240 tấn/giờ, thanh lý dần các máy nghiền CM739 – CM 740 (Liên Xô cũ), thay khoan búa nhỏ, búa mỏ nhỏ bằng búa đập đá thủy lực. Mua thêm máy khoan thủy lực XL635 (3,7 tỷ đồng) nhằm nâng cao năng suất khoan lớn, mua một máy xúc Volvo L90 C (Thụy Điển) trị giá 1,66 tỷ đồng, công suất 2,5 m³/gàu.

Năm 1998, Công ty KTĐ và VLXD Hóa An thành lập thêm một xí nghiệp khai thác đá (Xí nghiệp 2) tại xã Suối Trầu, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, cách Thành phố Hồ

Chí Minh khoảng 60 km. Mỏ Suối Trầu có trữ lượng 5,5 triệu m³ và có khả năng khai thác 200.000 m³/năm.

Năm 1999, Công ty KTĐ và VLXD Hóa An nhận chuyển nhượng lại quyền khai thác mỏ đá Núi Gió, Huyện Bình Long, Tỉnh Bình Phước. Mỏ Núi Gió có công suất khai thác tối đa 250.000m³/năm.

Năm 2000, Công ty KTĐ và VLXD Hóa An hợp đồng với Phân viện Nghiên cứu Mỏ luyện kim lập đề án thiết kế nâng công suất khai thác mỏ Hóa An lên 1.000.000 m³/năm. Đề án đã được phê duyệt: Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số: 256/QĐ.CT.UBT ngày 22 tháng 01 năm 2001 cho phép Công ty nâng công suất khai thác lên 1.000.000 m³/năm với thời gian khai thác từ năm 2001 đến hết năm 2010.

Trong lịch sử hình thành và phát triển hơn 20 năm của mình, Công ty KTĐ và VLXD Hóa An đã có những thành tích nhất định. Công ty KTĐ và VLXD Hóa An đã được công nhận là Đơn vị thi đua xuất sắc Ngành Xây dựng liên tục ba năm 1995, 1996 và 1997. Công ty KTĐ và VLXD Hóa An cũng đã vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng ba năm 1987, hạng nhì năm 1997 do thành tích kinh doanh có hiệu quả và đóng góp cho Ngân sách Nhà nước từ năm 1992 đến 1996 (Quyết định số 1391/KT/CT do Chủ tịch nước Lê Đức Anh ký ngày 23 tháng 09 năm 1997).

Công ty Cổ phần Hóa An từ khi thành lập đến nay

Ngày 18 tháng 4 năm 2000, Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký Quyết định số 47/2000/QĐ – TTg phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty KTĐ và VLXD Hóa An trực thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Tổng vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng, trong đó tỷ lệ cổ phần Nhà nước là 18% tổng vốn điều lệ, tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp là 50% và tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp là 32%. Đây là một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Bộ Xây dựng tiến hành cổ phần hóa toàn bộ Công ty.

Ngày 25 tháng 5 năm 2000, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã họp phiên họp đầu tiên, thông qua “Điều lệ Tổ chức và Hoạt động”, bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức một công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 6 năm 2000.

Sau hơn năm năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã xây dựng được 1 tập thể lao động có trình độ, tay nghề và kinh nghiệm làm việc. Nguồn nhân lực của Công ty tại thời điểm 30/5/2006 là 146 người, được tổ chức thành 4 phòng ban chuyên môn, 01 xí nghiệp và 01 chi nhánh trực thuộc. Trong đó có 20 người có trình độ Cao đẳng, Đại học và trên đại học (chiếm 15,06%); 26 người có trình độ Trung cấp kỹ thuật (chiếm 17,8%); 98 người có trình độ thợ bậc 3 trở lên (chiếm 67,12%). Lao động trực tiếp là 123 người (chiếm 84,25%), lao động gián tiếp là 23 người (chiếm 15,75%). Mức thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2005 đạt 3,3 triệu đồng/người/tháng.

Bên cạnh đó hiệu quả kinh doanh của Công ty ngày càng được nâng cao. Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần liên tục tăng trưởng từ mức 32,4% trong năm 2003, lên 34,28% trong năm 2004 và đạt 41,41% trong năm 2005. Cổ tức phân phối cho cổ đông năm 2003 là 52,78%, năm 2004 là 40% và năm 2005 là 30%. Ngoài ra công ty còn dùng phần lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ để chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông năm 2005 là 30%.

Công ty Cổ phần Hóa An (sau đây gọi tắt là Công ty) là một trong những doanh nghiệp khai thác và chế biến đá hàng đầu phục vụ cho nhu cầu xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương. Năm 2005, sản lượng thành phẩm quy đổi theo đá 1x2 của Công ty đạt 897.000 m³, tổng doanh thu đạt 88,17 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 36,51 tỷ đồng.

Mỏ khai thác chính của Công ty hiện nay là mỏ đá Hóa An, nằm trên địa bàn Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai; cách trung tâm Thành phố Biên Hòa khoảng 2 – 3 km và cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 20 km. Đá nguyên khai ở mỏ đá Hóa An có chất lượng tốt: đặc sít, không có mạch nước ngầm và ít tạp chất. Trữ lượng đá nguyên khai chưa khai thác theo khảo sát năm 2000 vào khoảng 10 triệu m³, đảm bảo cho hoạt động khai thác tại mỏ ổn định đến năm 2010.

Sau hơn sáu năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hiệu quả kinh doanh của Công ty ngày càng tăng cao. Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần liên tục tăng trưởng từ mức 20,95% trong năm 2000, lên 28,5% trong năm 2001 và lên 34,58% trong năm 2002, năm 2003 36,84% năm 2004 đạt 34,28% đến năm 2005 là 41,41 % và sáu tháng đầu năm 2006 là 35,04%.

- **Vốn điều lệ**

- Khi thành lập: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng)
- Hiện tại: 50.050.000.000 đồng (Năm mươi tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng)
- Sau khi phát hành: 67.064.620.000 đồng (Sáu mươi bảy tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi ngàn đồng)

- Tính tại thời điểm 07/7/2006, công ty có 1.028 cổ đông với cơ cấu sở hữu như sau:

Bảng 1: Cơ cấu sở hữu tại ngày 07/07/2006

TT	Cổ đông	Giá trị sở hữu (đồng)	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập Nhà nước	9.459.450.000	1	18,90
2	Hội đồng Quản trị, BGD, BKS	816.270.000	7	1,631
3	CBCNV trong Công ty	2.124.320.000	76	4,244
4	Cổ đông bên ngoài	37.648.630.000	944	75,222
5	Cổ phiếu quỹ	1.330.000	-	0,003
	Tổng cộng	50.050.000.000	1.028	100

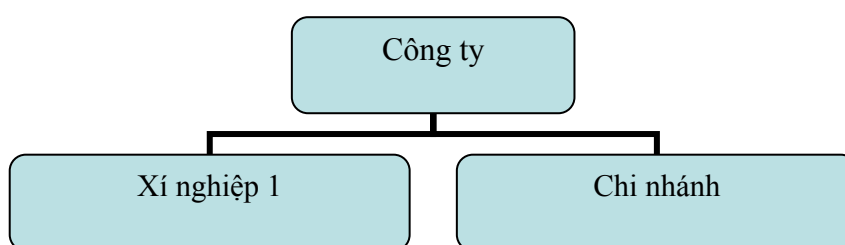
- Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực của Công ty tại thời điểm 31/5/2006 là 146 người, được tổ chức thành 4 phòng ban chuyên môn, 01 xí nghiệp và 01 Chi nhánh trực thuộc. Trong đó có 20 người có trình độ Cao đẳng, Đại học và trên đại học (chiếm 15,06%); 26 người có trình độ Trung cấp kỹ thuật (chiếm 17,8%); 98 người có trình độ thợ bậc 3 trở lên (chiếm 67,12%). Lao động trực tiếp là 123 người (chiếm 84,25%), lao động gián tiếp là 23 người (chiếm 15,75%).

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

- Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm trụ sở chính tại Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai và 2 xí nghiệp trực thuộc, theo sơ đồ như sau

Hình 1 – Cơ cấu tổ chức Công ty



▪ **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Hóa An**

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
 Điện thoại: (84.61) 954 491 – 954 458 – 954632;

▪ **Xí nghiệp 1**

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
 Điện thoại: (84.61) 954 011

▪ **Chi nhánh Công ty CP Hóa An**

Địa chỉ: Xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

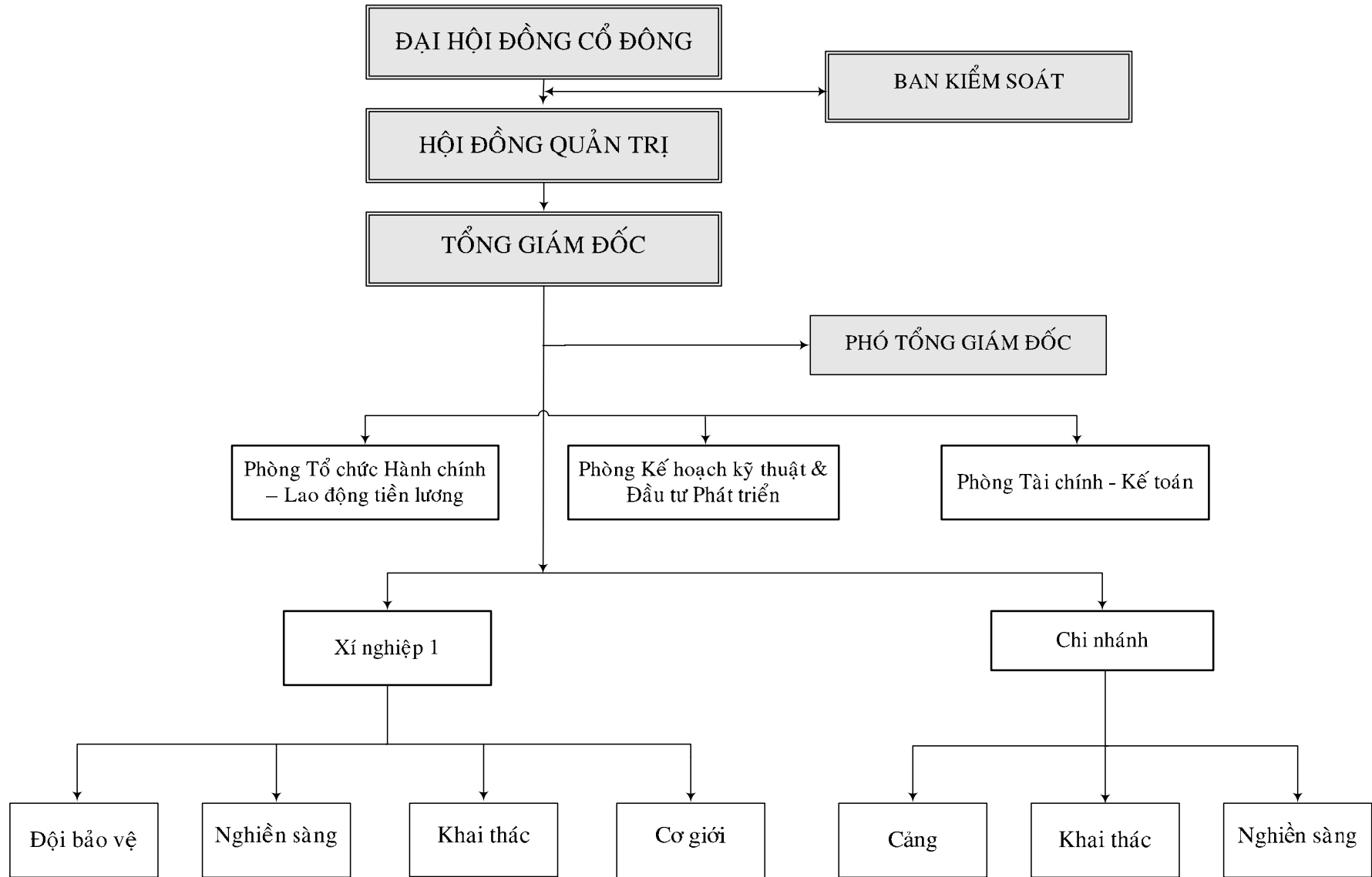
Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần và chia làm hai nhóm chính như sau:

3.1 Nhóm quản lý và điều hành

Đại hội đồng Cổ đông

- Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền quyết định loại cổ phần và số cổ phần chào bán; mức cổ tức hàng năm; tổ chức và giải thể Công ty; bổ sung và sửa đổi Điều lệ; định hướng phát triển Công ty; bầu và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty.

Hình 2 – Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Hóa An



Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị có quyền: quyết định chiến lược phát triển Công ty; các hình thức huy động vốn; giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; cơ cấu tổ chức và qui chế quản lý nội bộ; bổ nhiệm, bãi miễn Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

Hiện nay, Hội đồng Quản trị của công ty gồm năm (05) thành viên, trong đó Ông Trần Phương Tùng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát nhóm họp và bầu ra Trưởng ban kiểm soát.

Trưởng Ban kiểm soát hiện nay là Ông Trần Công Hạnh.

Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc, một Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm (hoặc tuyển dụng), là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước Hội đồng Quản trị về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm (hoặc tuyển dụng) theo đề xuất của Tổng Giám đốc

Ban điều hành công ty hiện nay là những người có kinh nghiệm điều hành kinh doanh trong ngành khai thác đá vật liệu xây dựng. Tổng giám đốc công ty là Ông Lại Duy Hồng, Phó Tổng giám đốc là Ông Trịnh Tiến Bảy và Kế toán trưởng công ty là Bà Lê Thị Quyết.

3.2 Nhóm tác nghiệp***Phòng Tổ chức hành chính -Lao động tiền lương***

Phòng Tổ chức hành chính-Lao động tiền lương có các chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy công ty; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của CBCNV; thực hiện chính sách chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đối với người lao động; quản lý điều hành công tác hành chính công ty.
- Xây dựng Nội quy, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của công ty.
- Phòng thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và điều hành mọi hoạt động theo sự quản lý chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc công ty.

Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật và Đầu tư phát triển

Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật và Đầu tư phát triển được chia làm 2 bộ phận: bộ phận Kỹ thuật Xây dựng cơ bản và bộ phận Kế hoạch – Vật tư.

Bộ phận Kỹ thuật – Xây dựng cơ bản có chức năng: quản lý kỹ thuật công nghệ khai thác, chế biến và sản xuất vật liệu xây dựng, quản lý chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình, chất lượng thiết bị; tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ; quản lý và tổ chức thực hiện ứng dụng khai thác, chế biến sản phẩm mới, thiết kế mẫu mã mới; nghiên cứu, tham gia xây dựng chiến lược phát triển sản xuất; nâng cao trình độ kỹ thuật khai thác, chế biến đá; báo cáo kết quả kỹ thuật, chất lượng sản phẩm theo định kỳ với Tổng Giám đốc Công ty.

Bộ phận Kế hoạch – Vật tư có chức năng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện kế hoạch vật tư kỹ thuật, kế hoạch đầu tư và xây dựng cơ bản; tham mưu cho Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến xây dựng kế hoạch phát triển Công ty; chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc.

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán có chức năng ghi chép tình hình tài chính, các số liệu hạch toán kinh tế báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức và quản lý việc chấp hành pháp lệnh thống kê – kế toán, điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Luật doanh nghiệp; hạch toán thu chi về hoạt động kế toán, lập báo cáo thống kê tổng hợp kịp thời phản ánh hoạt động kinh doanh của Công ty; tham mưu công tác tài chính, xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh.

Đội bảo vệ

Được tách ra từ một bộ phận của Phòng Tổ chức hành chính-Lao động tiền lương. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Đội bảo vệ là đảm bảo an toàn cho tài sản và mọi hoạt động của Công ty; đặc biệt là an ninh và an toàn của kho vật liệu nổ

Xí nghiệp 1

Phụ trách trực tiếp công tác khai thác và chế biến biến đá tại mỏ đá Hóa An.

Chi nhánh Công ty

Phụ trách trực tiếp công tác khai thác và chế biến đá, bước đầu với quy mô nhỏ tại mỏ đá trên địa bàn xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2 : Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số vốn	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước – Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1, đại diện bởi: Ông Trần Văn Tề	9–19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp HCM	9.459.450.000	18,9
2	Cổ đông của văn phòng tổng Công Ty VLXD Số 1 , Ông lại Duy Chinh đại diện	lầu 4 số 9-19 Hồ tùng Mậu Qi , TPHCM	6.466.530.000	12,92
3	PXP VIETNAM FUND LIMITED	CARD CORPORATE SERVICES LTD, 2ND FLOOR, ZEP	5.005.000.000	10
	TỔNG CỘNG		20.930.980.000	41,82

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

- Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay tập trung trong lĩnh vực khai thác mỏ và chế biến đá vật liệu xây dựng. Tình hình và đặc điểm hoạt động kinh doanh được trình bày sau đây:

6.1. Mỏ đá Hóa An

- Vị trí, chất lượng và trữ lượng mỏ đá Hóa An là thế mạnh hàng đầu của Công ty trong kinh doanh khai thác và chế biến đá xây dựng phục vụ cho nhu cầu khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Đồng Nai và Bình Dương.

Các đặc điểm của mỏ đá Hóa An bao gồm:

Vị trí mỏ

- Mỏ đá Hóa An nằm trong khu vực Ấp Tân Hóa, Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Đây là một vị trí thuận tiện về giao thông và thị trường tiêu thụ:
 - Về giao thông đường bộ: Mỏ đá Hóa An nằm cạnh đường Quốc lộ 1, trục đường giao thông chính của cả nước. Trên đường Quốc lộ 1, theo hướng từ thành phố Hồ Chí Minh đi Biên Hòa, các phương tiện vận chuyển đường bộ đi đến ngã tư Cầu Hang, rẽ trái, đi theo đường nội bộ tráng nhựa của Công ty khoảng hơn 800 m là vào đến mỏ.

- Về giao thông đường thủy: Mỏ đá Hóa An tuy không tiếp giáp với bờ sông, nhưng khoảng cách từ mỏ đến bờ sông Đồng Nai, nơi các sà lan vận chuyển có thể cập bờ chỉ trong khoảng 2 km trở lại. Công ty có một cảng xuất đá diện tích 3.408 m² trên bờ sông Đồng Nai.
- Về thị trường tiêu thụ: Ngoài sự thuận tiện của đường giao thông, mỏ đá còn rất gần các thị trường tiêu thụ. Khoảng cách từ mỏ đá Hóa An đến trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh khoảng hơn 20km, đến trung tâm Thành phố Biên Hòa khoảng 3 km. Trong bán kính 50 km xung quanh mỏ, là nơi tập trung của các khu công nghiệp đang phát triển, các dự án cơ sở hạ tầng, các dự án phát triển nhà ở khu dân cư lớn của khu vực và cả nước.

Chất lượng mỏ

- Đá tại mỏ đá Hóa An là đá Bazan phun trào, tên khoa học là Bazan Andezit. Tháng 8 năm 1985, Xí nghiệp Khảo sát xây dựng 4 (Bộ Xây dựng) đã tiến hành thăm dò, đánh giá trữ lượng và chất lượng đá. Theo Quyết định số 174/QĐ/HĐ của Hội đồng Xét duyệt trữ lượng Nhà nước ban hành ngày 04 tháng 01 năm 1988, mỏ đá Hóa An có các đặc tính chất lượng như sau:
 - Tầng đá Andezit Hóa An càng xuống sâu càng đặc sít, gần như không có nứt nẻ, nghĩa là coi như không có tích tụ nước ngầm.
 - Tính chất cơ lý: xem chi tiết bảng 5.

Bảng 3: Các tính chất cơ lý của mỏ Hóa An

Tính chất	Thông số
Độ bền ở trạng thái khô	1.842 kg/cm ²
Độ bền nén bão hòa nước ngọt	1.443 kg/cm ²
Độ bền nén bão hòa nước mặn	1.424 kg/cm ²
Dung trọng	2,87 g/cm ³
Tỷ trọng	2,93 g/cm ³
Khối lượng riêng đá rời	1.500 kg/m ³
Độ hút nước	0,2%

- Thành phần hóa học: Tên khoa học của đá là Bazan Andezit. Các thành phần hóa học bao gồm: SiO₂ (47,58%); Al₂O₃ (15,48%); SO₃ (1,85%); FeO (11,22%); TiO₂ (0,95%); CaO (10,15%); MgO (7,53%); Na₂O (3,13%); K₂O (1,01%).
- Công dụng của đá: Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1771 – 87 về các chỉ tiêu: độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích xốp (lèn chặt/không lèn chặt), độ nén đập trong xi lanh, độ mài mòn trong tăng quay, hàm lượng tạp chất hữu cơ và hàm lượng hạt thoi dẹt. Đá Andezit của mỏ Hóa An sử dụng tốt cho xây dựng các công trình dân dụng và các công trình trên cạn, đá không nên sử dụng để xây dựng các công trình thủy công (cống, đập v.v....).

Trữ lượng mỏ

- Tổng diện tích mỏ đá Hóa An là 29,66 ha, trong đó phần diện tích mỏ do Công ty quản lý và khai thác là 25 ha. Mỏ đá hiện được chia làm 6 tầng khai thác với trữ lượng ước tính như sau:

Bảng 4: Các tầng khai thác của mỏ Hóa An

Tầng	Cao trình khai thác	Bề dày (m)	Trữ lượng (m ³)	Cộng dồn trữ lượng (m ³)
T1	+15.0 - +5.0m	10.0	376.000	376.000
T2	+5.0 - -6.0m	11.0	2.210.000	2.586.000
T3	-6.0 - -16.0m	10.0	2.700.000	5.286.000
T4	-16.0 - -26.0m	10.0	2.650.000	7.936.000
T5	-26.0 - -36.0m	10.0	2.550.000	10.486.000
T6	-36.0 - -55.0m	20.0	5.545.700	16.031.700

- Hiện nay Công đang khai thác từ tầng thứ 2 (T2) đến tầng (T4). Trữ lượng mỏ đã khảo sát nhưng còn chưa khai thác tại thời điểm năm 2000 vào khoảng 10 triệu m³ cho phép cho Công ty hoạt động ổn định đến sau năm 2010 với công suất khai thác hàng năm 1 triệu m³ đá nguyên khai.

6.2. Chung loại và chất lượng sản phẩm

- Đá nguyên khai từ mỏ đá Hóa An của Công ty có thể được chế biến theo các quy cách sản phẩm như sau:

Bảng 5: Các quy cách sản phẩm đá xây dựng của Công ty

Quy cách sản phẩm	Công dụng
Đá 1x1, 1x2	Trộn bê tông xây nhà.
Đá 2x4; 4x6; 5x7 v.v...	Đúc móng nền, lót đường.
Đá mi, đá bụi (thứ phẩm đi kèm)	Đổ bê tông mịn, lát mặt đường (nhựa nóng), san lấp mặt bằng, làm gạch bông.

- Trong cách quy cách này, Công ty hiện tập trung vào quy cách 1x1 và 1x2. Các quy cách 2x4, 4x6 và 5x7 v.v..., chỉ sản xuất khi có yêu cầu của khách hàng và khi thống kê phân tích sẽ được tiến hành quy đổi sang đá 1x2. Các sản phẩm đá mi và đá bụi là thứ phẩm đi kèm trong quá trình chế biến (nghiền) đá nguyên khai ra các quy cách ở trên. Tỷ lệ thứ phẩm theo khối lượng chiếm khoảng từ 25 – 30%.
- Chất lượng sản phẩm: (xin tham khảo lại trong phần **Chất lượng mỏ** tại mục III.6.1 ở trên).

6.3. Giá trị sản lượng sản phẩm qua các năm

Sản lượng

- Sản lượng đá thành phẩm của Công ty trong các năm vừa qua (tính cả trước khi cổ phần hóa) được trình bày trong hình và bảng sau:

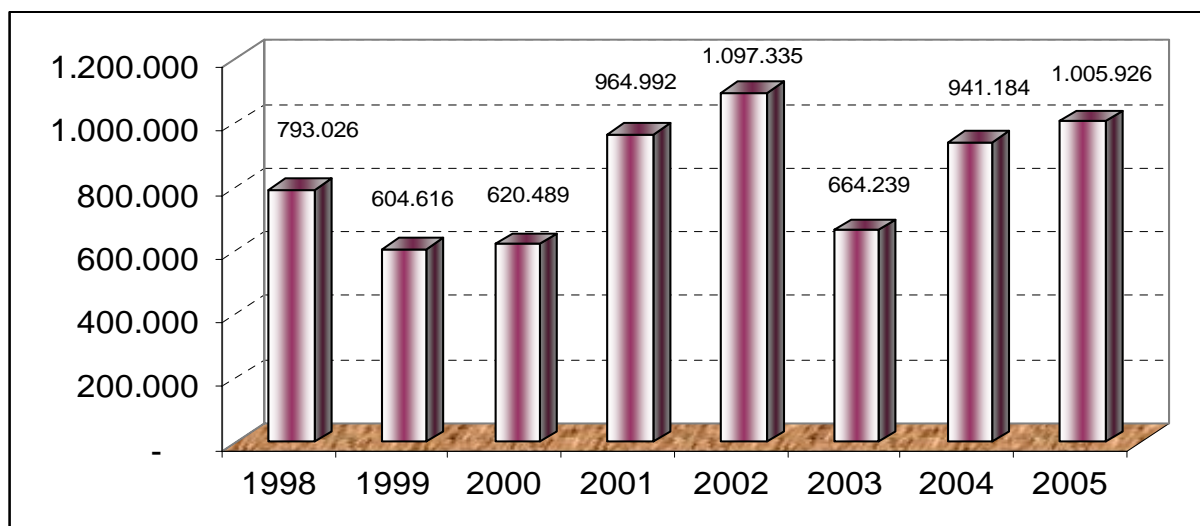
Bảng 6: Tổng sản lượng thành phẩm phân loại theo quy cách

Đơn vị tính: m³

Loại đá	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Đá 1x1, 1x2, v.v	724.614	570.951	600.810	950.677	777.394	587.757	784.830	838.604
Đá khác	68.412	33.665	19.679	14.315	319.941	76.482	156.354	167.322
Tổng cộng	793.026	604.616	620.489	964.992	1.097.335	664.239	941.184	1.005.926

Hình 3: Tổng sản lượng thành phẩm quy đổi theo đá 1x2 của Công ty

(Đơn vị tính m³)

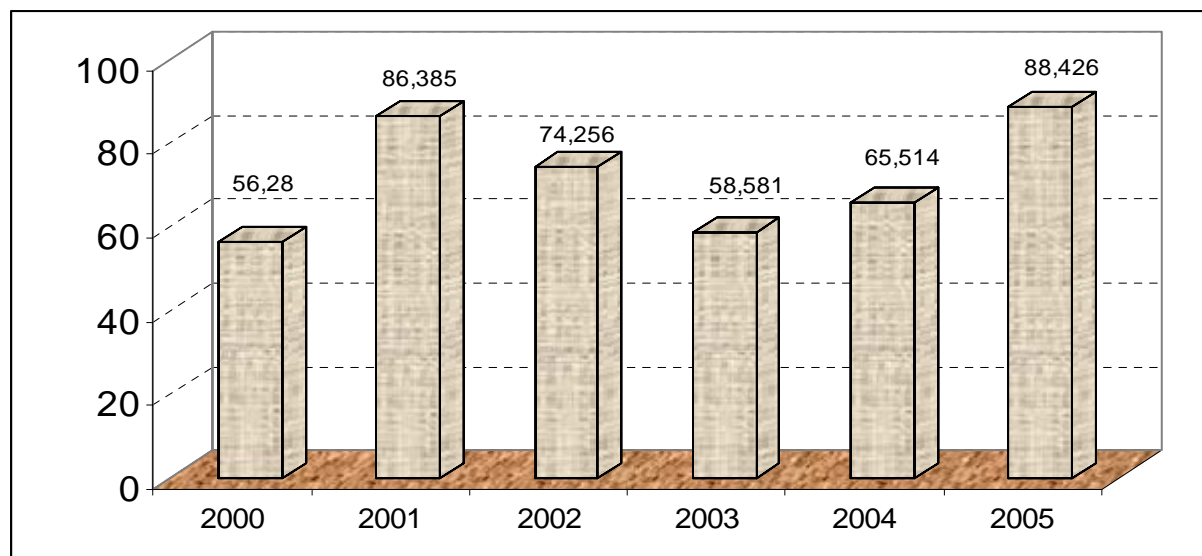


- Trong giai đoạn 1999 và 2000, sản lượng của Công ty bị suy giảm do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trong các năm trước đó. Năm 1999 sản lượng giảm 24% so với năm 1998.
- Từ năm 2001 – 2002, sản lượng sản xuất đã hồi phục và có xu hướng tăng cao hơn mức sản lượng cao nhất trước đó. So với năm 2001, sản lượng năm 2002 tăng hơn 13,7%. Sản lượng năm 2003 đạt 664.239 m³ bằng 60,5% so với năm 2002.
- Từ năm 2003 – 2005: sản lượng năm 2003 giảm và tăng trở lại từ 66.239 m³ đến 941.184 m³ năm 2004 và đạt 1.005.926 m³ trong năm 2005.

Giá trị doanh thu

Hình 4: Doanh thu từ năm 2000 trở lại đây của Công ty

(Đơn vị tính: triệu đồng)



- Năm 2003, sản lượng nói chung có sự sụt giảm so với năm 2002, do sự cạnh tranh của một số mỏ lân cận (mỏ mới mở, hạ giá bán sản phẩm, bán dư khối lượng, v.v...)
- Năm 2004 – 2005, Công ty tiến hành các biện pháp như điều chỉnh giá bán, khuyến mãi, mở rộng thị trường xuống khu vực Tây Nam Bộ (năm 2004: 26.147 m³ và năm 2005: 126.945m³).
- Doanh thu của Công ty chịu sự tác động của sản lượng và giá bán. Như trình bày ở Hình 5, trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2005, doanh thu của công ty có mức độ tăng trưởng khá. Doanh thu năm 2003 là 58,5 tỷ, đến năm 2005 đạt 88,4 tỷ.
- Tỷ trọng doanh thu phân theo quy cách sản phẩm trong các năm như sau:

Bảng 7: Tỷ trọng doanh thu theo quy cách sản phẩm

Sản phẩm	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Đá 1x1,1x2, v.v...	99%	99%	77%	81%	80%	79%
Đá khác	1%	1%	23%	19%	20%	21%

6.4. Nguyên vật liệu

- Ngoài nguồn mỏ phục vụ khai thác đã trình bày ở các phần trên, hai loại nguyên vật liệu, công cụ lao động chính được dùng trong khai thác và chế biến đá xây dựng được trình bày sau đây:

Thuốc nổ

- Định mức thuốc nổ cho 1m³ đá là 0,52 kg và định mức cho 1 lần nổ mìn không được vượt quá 2.000 kg thuốc nổ. Công ty hiện đang sử dụng loại thuốc nổ NT13, ANFO thay thế cho thuốc nổ TNT và AĐ1. Các loại thuốc nổ NT13, ANFO đã được Sở Công nghiệp và Sở KH – CN và Môi trường Tỉnh Đồng Nai cho phép sử dụng do ít gây ô nhiễm môi trường và độ chấn động thấp hơn TNT và AĐ1.
- Công ty Hóa chất mỏ (MICO) thuộc TCT Than Việt Nam là nhà cung cấp thuốc nổ chính cho Công ty. Công ty thanh toán cho Công ty Hóa chất nổ theo hình thức trả chậm là 30 ngày. Lượng thuốc nổ tiêu thụ bình quân hàng năm của Công ty khoảng 450 tấn.
- Công ty Cổ phần Hóa An là người quản lý duy nhất đối với nguồn thuốc nổ trong khu vực mỏ.

Hàm nghiền đá các loại

- Hàm nghiền đá CM 739 – CM 740 thường được thay thế khi máy nghiền sản xuất được từ 7.000 - 8.000 m³ đá. Hàm nghiền do Việt Nam sản xuất. Công ty không ký hợp đồng dài hạn với bất kỳ nhà cung cấp nào mà chỉ mua ở những nơi chào hàng với giá rẻ, chất lượng đảm bảo, giá bình quân khoảng 10.800.000 đồng/cặp. Số lượng sử dụng bình quân của cả mỏ là trên 100 hàm nghiền mỗi năm.

Từ khi Công ty tiến hành khoán chi phí sản xuất cho các đơn vị nhận khoán. Việc mua và chuẩn bị hàm nghiền và các loại vật tư khác được chuyển về cho đơn vị nhận khoán và được tính thẳng vào đơn giá khoán chi phí sản xuất. Công ty chỉ còn trực tiếp chuẩn bị hàm nghiền cho các máy nghiền là tài sản của Công ty.

6.5. Máy móc thiết bị

- Máy móc trang thiết bị được sử dụng tại mỏ đá Hóa An có hai dạng nguồn gốc: máy của các đơn vị nhận khoán chi phí sản xuất và máy móc của Công ty.

Máy móc thiết bị của các đơn vị nhận khoán

- Việc sử dụng trang thiết bị máy móc của các đơn vị nhận khoán chi phí sản xuất là nằm trong chủ trương và chiến lược kinh doanh của Công ty. Điều này cho phép Công ty nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh qua các mặt sau:
 - Không phải tiến hành đầu tư thêm nhiều máy móc;
 - Hạn chế được sự lãng phí công suất khi nhu cầu thị trường giảm và có thể nhanh chóng gia tăng công suất khi nhu cầu tăng;
 - Đơn giản hóa công tác quản lý; chuyển trách nhiệm bảo quản, duy tu cho các đơn vị nhận khoán;
 - v.v...

- Máy móc trang thiết bị của các đơn vị nhận khoán hiện đóng góp khoảng 70% năng lực sản xuất của Công ty, bao gồm đầy đủ các chủng loại phục vụ cho việc khai thác mỏ và chế biến đá như:
 - Máy khoan;
 - Búa đập;
 - Máy xúc đá hỗn hợp
 - Ô tô vận chuyển đá hỗn hợp từ dưới mỏ đến máy nghiền;
 - Máy nghiền; và
 - Máy xúc đá thành phẩm.
- Tuy không hiện đại và công suất từng đơn vị không cao, nhưng các máy móc trang thiết bị của các đơn vị nhận khoán vẫn phù hợp với nhu cầu và điều kiện sản xuất tại mỏ. Tùy theo nhu cầu sản xuất, các đơn vị nhận khoán có thể tăng thêm hoặc cắt giảm thời gian máy móc hoạt động.

Máy móc trang thiết bị của Công ty

- Các máy móc trang thiết bị của Công ty hiện nay chiếm khoảng 30% năng lực sản xuất của mỏ. Một số trang thiết bị chính được trình bày trong bảng sau:

Bảng 8: Các máy móc trang thiết bị chính của Công ty tại thời điểm 25/04/2006

TT	Tên	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Máy nghiền Allis 250T/g	1996	12.727.788.230	0
2	Máy khoan thủy lực XL-635	1998	3.600.460.000	238.478.219
3	Máy nghiền sàng PDSU 200	12/2001	1.842.857.148	1.225.255.110
4	Máy nghiền sàng đá 200T/g	01/2003	1.900.635.913	1.583.863.261
5	Búa phá đá thủy lực NPK	12/2005	746.736.000	694.879.335
6	Xe đào bánh xích Kobeco	02/2006	1.094.184.900	1.040.995.358

- Hầu hết, các máy móc trang thiết bị của Công ty đều được sử dụng tối đa về mặt công suất. Khi nhu cầu thị trường có chiều hướng sụt giảm, máy móc của Công ty vẫn được ưu tiên duy trì sử dụng trong sản xuất nhằm tận dụng tối đa công suất, tăng lợi nhuận. So sánh về mặt công nghệ, máy móc của Công ty đầu tư có trình độ hiện đại hơn so với các máy móc của các đơn vị nhận khoán bên ngoài và so với cả các công ty cùng ngành khác. Máy nghiền Allis của Công ty do Mỹ sản xuất với công suất trên 240 tấn giờ, cao gấp 3 – 4 lần công suất của các máy nghiền thông dụng khác tại các khu mỏ lân cận.

6.6. Chi phí sản xuất

- Chi phí sản xuất của kinh doanh của Công ty trong hai năm vừa qua được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2003		Năm 2004		Năm 2005	
	Giá trị	%/doanh thu	Giá trị	%/doanh thu	Giá trị	%/doanh thu
Giá vốn hàng bán	35.864.319	61,22%	42.337.020	64,86%	50.243.701	56,98%
Chi phí bán hàng	611.446	1,04%	2.519.449	3,85%	3.091.140	3,50%
Chi phí QLDN	2.720.319	4,64%	4.289.257	6,57%	5.091.831	5,77%
Tổng cộng	39.196.084	66,90%	49.115.726	75,28%	58.426.672	66,26%

- Do có sử dụng hiệu quả các máy móc thiết bị cũng như thực hiện quy trình quản lý chặt chẽ Công ty đã tiết kiệm được chi phí nhằm nâng cao tỷ suất lợi nhuận. Tỷ lệ tổng chi phí trên doanh thu giảm từ 64,86 % năm 2004 xuống 56,98% năm 2005. Giá vốn hàng bán của Công ty ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành hoạt động trên địa bàn.

6.7. Quy trình sản xuất

- Quy trình khai thác và chế biến đá xây dựng gồm các trình tự như sau:
 - Bóc đất phủ và xử lý đá mồ côi;
 - Khoan nổ mìn phá đá;
 - Xúc bốc vận chuyển đá tới trạm nghiền sàng;
 - Nghiền sàng đá;
 - Xuất đá cho khách hàng.

Bóc đất phủ và xử lý đá mồ côi

- Lớp đất phủ trong khu vực đang khai thác biến đổi từ 1 – 2 m, phần chưa khai thác lớp đất phủ biến đổi từ 3 – 6 m. Dùng máy xúc bánh xích thủy lực 1,2 m³/gầu và ô tô vận tải chuyên đất ra bãi thải hoặc các khu vực cần san lấp mặt bằng. Lớp đá phong hóa nhẹ từ 0,5 – 1 m, dùng máy khoan nhỏ Φ45mm, khoan bắn mìn, xúc đổ đi cùng đất phủ. Hiện nay tầng phủ và lớp đá phong hóa hầu như không còn nữa.

Khoan nổ mìn phá đá

- Công việc bao gồm khoan lớn bằng búa khoan thủy lực XL 635, CHD 901 và PMK4 đường kính lỗ khoan từ Φ102mm đến Φ105mm, sau đó nổ mìn lớn, khoan nhỏ hoặc phá đá quá cỡ bằng búa đập đá thủy lực và mô chân tảng kích nổ bằng kíp điện. Hiệu quả phá đá hữu ích là lớn hơn 12 m³/1m khoan đối với khoan lớn. Khoảng 20% đá quá cỡ còn được xử lý bằng búa đập và máy khoan nhỏ Φ45mm.

Xúc bốc vận chuyển đá tới trạm nghiền sàng

- Sử dụng các máy xúc bánh xích thủy lực công suất từ 1,2m³/gầu trở lên, ô tô vận tải tự đổ trọng tải 12 – 16 tấn chuyên đá tới trạm nghiền sàng. Năng suất xúc đá là 170m³/ca (đá 1x2).

Nghiên sàng đá

- Đá hỗn hợp được các băng tải cấp liệu đưa lên nghiền má, nghiền côn, tại đó đá được nghiền ra các kích cỡ và sàng lọc rồi đổ xuống các bãi chứa đá theo từng kích cỡ qui định. Đá không đúng kích cỡ được sàng giữ lại và theo hệ thống băng chuyền quay trở lại nghiền côn, nghiền lại lần hai. Công ty hiện có ba loại máy nghiền sàng: máy nghiền CM739-740 (13 máy), năng suất bình quân 15 tấn/giờ; máy nghiền Allis – Hoa Kỳ (1 máy), công suất thiết kế 240 tấn/giờ; máy nghiền PDSU 200 (1 máy), công suất thiết kế 200 tấn/giờ. Bãi chứa đá nằm cạnh các trạm nghiền sàng. Hai bãi chứa rộng 4.800 m² và 2200 m² được gia cố bằng bê tông mác cao, chịu được tải trọng máy xúc bánh lốp 2,5m³/gầu, ô tô trọng tải 12 – 16 tấn.

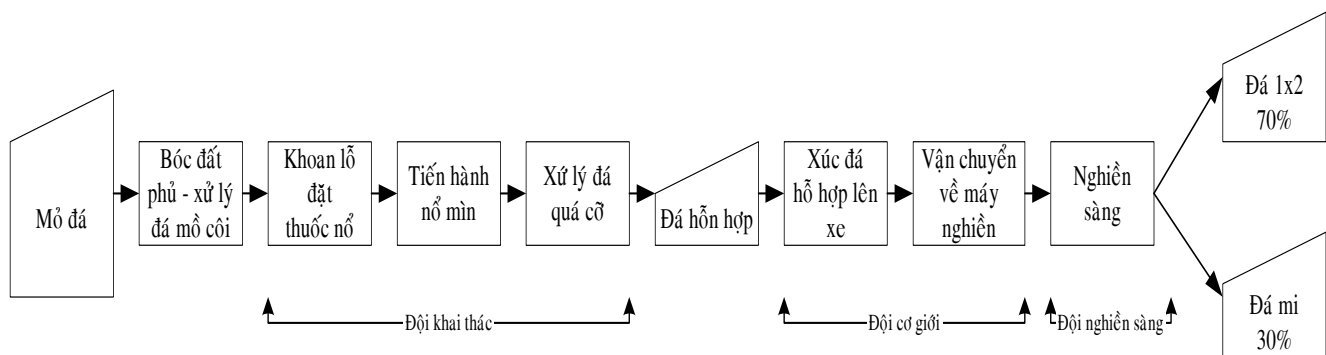
Xuất đá cho khách hàng

- Máy xúc bánh lốp 1,5 – 2,5m³/gầu xúc đá thành phẩm lên xe tải của khách hàng. Sau đó xe được đưa qua trạm cân để kiểm tra trọng lượng. Trung bình mỗi ngày có hơn 500 xe khách hàng vào mua đá các loại.

Các qui định về bảo vệ môi trường và an toàn kỹ thuật:

- Hoạt động khai thác đá xây dựng của Công ty phải tuân thủ các qui định về bảo vệ môi trường và kỹ thuật an toàn. Phương pháp chống bụi được sử dụng tại mỏ Hóa An là dùng máy bơm nước tạo sương kết hợp với tách đất ra khỏi đá hỗn hợp trước khi nghiền. Khoảng cách an toàn chân động của mỏ Hóa An là 88m, lớn hơn các qui định hiện hành đối với các công trình dân dụng (80m). Trong quá trình khai thác, Công ty luôn thực hiện đúng các qui phạm, tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN – 5178 – 90) về khai thác và chế biến tại các mỏ lộ thiên.

Hình 5: Sơ đồ quy trình khai thác và sản xuất đá của Công ty Hóa An



6.8. Tình hình nghiên cứu và phát triển

- Công ty chú trọng đến việc nghiên cứu, phát triển các giải pháp kỹ thuật khai thác và chế biến đá. Nhờ đó Công ty luôn sử dụng triệt để nguồn tài nguyên khoáng sản và hiệu quả sản xuất hàng năm của Công ty luôn đạt ở mức khá cao. Sản phẩm cung ứng cho thị trường luôn đạt chất lượng và luôn luôn được sự tín nhiệm của khách hàng.
- Trong tương lai, Công ty tích cực tìm kiếm các mỏ đá và đất để đầu tư khai thác khi mỏ đá Hóa An không được gia hạn giấy phép khai thác (sau năm 2010). Ngoài ra Công ty còn phải xây dựng các phương án sử dụng đất khu vực khai thác mỏ có hiệu quả nhất sau khi đóng cửa.
- Năm 2005 công ty đã đầu tư mỏ đá mới tại xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, tổng diện tích là 37,8 ha; tổng vốn đầu tư là 22,16 tỷ đồng. Từ tháng 6 năm 2006 đã cho ra sản phẩm.
- Mỏ đá Thường Tân có vị trí gần sông Đồng Nai, công ty đã xây dựng cảng để đưa sản phẩm tiêu thụ tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, hiện nay đã có 5 đến 7 khách hàng lớn ký hợp đồng tiêu thụ đá của công ty tại mỏ Thường Tân.

6.9. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Nhằm tăng thêm lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm của mình, Công ty luôn quan tâm đến việc kiểm tra chất lượng sản phẩm đá theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1771 – 87.
- Hệ thống máy nghiền sàng của Công ty luôn được kiểm tra và bảo quản thường xuyên. Do vậy, sản phẩm của Công ty sản xuất luôn đúng kích cỡ, trắng sạch hơn so với các công ty sản xuất đá tại Đồng Nai và Bình Dương.
- Ban kiểm tra quản lý chất lượng gồm có 5 thành viên, trực thuộc bộ phận Kỹ thuật – Xây dựng cơ bản. Ban có nhiệm vụ các nhiệm vụ chính như sau:
 - Tổ chức kiểm tra, quản lý quy trình kỹ thuật của từng công đoạn sản xuất; Thông báo kết quả và kết hợp với các xí nghiệp thành viên để giải quyết kịp thời những sự cố kỹ thuật công nghệ trong quá trình sản xuất;
 - Đăng ký kiểm tra kỹ thuật sản phẩm theo quy định của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng – Trung tâm khu vực III;
 - Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật sản phẩm, định mức tiêu hao vật tư từng loại nguyên vật liệu cho từng đơn vị sản phẩm; Kết hợp với Phòng Tổ chức Hành chính để xây dựng tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật cho công nhân; Soạn giáo trình giảng dạy, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề và nâng bậc lương;
 - Báo cáo kết quả kỹ thuật, chất lượng sản phẩm theo định kỳ với Tổng Giám đốc Công ty;
 - Thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm, kiểm tra giám sát chất lượng nguyên vật liệu, vật tư xuất nhập kho (gọi tắt là KCS);

- Kiểm tra và trình Tổng Giám đốc giải quyết những khiếu nại, thắc mắc của khách hàng về chất lượng sản phẩm.
- Công ty đang có kế hoạch xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng cho bộ phận sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 14.000 chú trọng đến việc bảo vệ môi trường.

6.10. Hoạt động bán hàng và marketing

Với thuận lợi về vị trí gần các thị trường tiêu thụ, công suất sản xuất lớn có thể đáp ứng nhu cầu khách hàng và đặc biệt là danh tiếng chất lượng đá thuộc vào loại tiêu chuẩn, cho đến nay sản phẩm đá xây dựng của Công ty Cổ phần Hóa An luôn được khách hàng biết và tìm đến. Sản lượng bán hàng của Công ty có mức tăng trưởng trung bình gần 13%/năm và đạt 897.000 m³ năm 2005.

Tuy nhiên với tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt như hiện nay, Công ty đã và đang thực hiện nhiều chính sách về marketing, bán hàng để duy trì và phát triển thị phần hiện tại. Công ty sẽ thực hiện quảng cáo tiếp thị tại chỗ, trên các báo và tạp chí chuyên ngành. Tổ chức các buổi gặp gỡ khách hàng để giải đáp, tiếp thu các ý kiến đóng góp nhằm xây dựng và hoàn thiện thêm quy trình bán hàng.

Công ty luôn cố gắng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khách hàng: Công ty tổ chức bán hàng 24/24 giờ mỗi ngày; khách hàng được tự do chọn lựa sản phẩm từ bất kỳ dây chuyền sản xuất nào theo ý muốn.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện các chính sách giảm giá khuyến mãi thường xuyên như: giảm giá lũy tiến tùy theo tiến độ thanh toán tiền của khách hàng; khuyến mãi cuối năm (bằng tiền mặt hoặc hiện vật có giá trị tương đương) dựa trên mức doanh thu mà khách hàng đạt được v.v...

6.11. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

- Hoạt động bán hàng của Công ty thường được thực hiện ngay tại mỏ (khách hàng mua trực tiếp). Tuy nhiên để đảm bảo sự ổn định trong sản xuất, Công ty cũng ký kết hợp đồng với một số khách hàng lớn với những nội dung chính như sau:
 - Loại sản phẩm bao gồm đá các loại 1×1, 1×2, đá mi, v.v...
 - Địa điểm: Công ty sẽ giao hàng trên phương tiện của khách hàng theo số lượng và chất lượng tại kho ở mỏ đá của Công ty.
 - Thời gian: thông thường hợp đồng có thời gian từ 6 tháng – 1 năm.
 - Hình thức, phương thức thanh toán: Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt (hoặc chuyển khoản) theo khối lượng thực tế cung cấp trong tháng được hai bên ký xác nhận và lập hóa đơn tài chính vào cuối mỗi tháng. Đơn giá tùy theo từng thời điểm và sẽ được giảm giá lũy tiến tùy theo việc thanh toán của khách hàng (ngay thời điểm lập hóa đơn, trả tiền trước nhận hàng sau, v.v...).
 - Khuyến mãi: Tùy thuộc vào tổng doanh thu thực tế mà khách hàng đạt được (đảm bảo theo đúng thời hạn thanh toán, cùng một địa chỉ, mã số thuế theo hóa đơn

bán hàng v.v...), Công ty sẽ thực hiện khuyến mãi cuối năm bằng tiền mặt hoặc hiện vật có giá trị tương đương.

- Các hợp đồng ký dài hạn có giá trị trung bình chiếm khoảng 15 – 20% tổng doanh thu hàng năm của Công ty.

Bảng 10: Danh sách một số khách hàng ký hợp đồng với Công ty hiện nay

Ngày ký HĐ	Tên đơn vị	Sản phẩm	Địa bàn	Có gtrị đến
02/01/2006	Cửa hàng VLXD sáu Dài	1x2	Cần Thơ	31/12/2006
02/01/2006	Cửa hàng VLXD Hoàng Phúc	1x2, mi	Cần Thơ	31/12/2006
02/01/2006	Cửa hàng VLXD –VT Nguyễn Thị Tỉnh	1x2, mi	Biên Hòa	31/12/2006
02/01/2006	HTX Vận tải-XD Bình Dương	1x2, 0x4	Bình Dương	31/12/2006
02/01/2006	DNTN Thuận Tấn Phát	1x2, mi	Biên Hòa	31/12/2006
10/01/2006	Cty TNHH Nam Hóa An	1x2, 0x4, mi	Biên Hòa	31/12/2006
04/4/2006	CTy TNHH Trung Tín	1x2, mi	TpHCM	31/12/2006

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh 2003 – 2005

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005
1	Tổng giá trị tài sản	61.290.063	68.823.010	103.517.898
2	Doanh thu thuần	58.581.385	65.270.716	88.173.896
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	21.945.032	22.448.937	36.339.615
4	Lợi nhuận khác	(44.676.856)	(72.384)	(447.971)
5	Lợi nhuận trước thuế	21.900.355	22.376.553	36.376.553
6	Lợi nhuận sau thuế	18.981.344	22.376.553	36.515.586
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	52,78%	40%	30%

Bảng 12: Giá bán trung bình các loại đá qua các năm

Đơn vị tính: đồng/m³

TT	Sản phẩm	2000	2001	2002	2003	2004	2005
1	Đá 1x2	79.500	86.500	79.000	84.000	84.000	89.000
2	Đá 4x6, 5x7	46.000	53.955	49.000	52.000	49.000	56.000
3	Đá khác	25.500	14.955	25.000	30.500	35.680	45.000

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Doanh thu

Doanh thu năm 2005 đạt 103,51 tỷ đồng tăng 50% so với năm 2004. Nguyên nhân chính là do giá bán sản phẩm trung bình tăng 16% so với năm 2004. Mặt khác, sản phẩm đá các loại của công ty đã mở rộng thị trường tiêu thụ đến các tỉnh miền Tây, nên sản lượng của công ty tăng nhiều dẫn đến doanh thu tăng.

Lợi nhuận trước thuế

Do sự tăng về doanh thu kéo theo lợi nhuận trước thuế năm 2005 tăng so với năm 2004 là 64,4%. Mặt khác doanh thu hoạt động tài chính cũng tăng (từ 6,4 tỷ đồng năm 2004 lên 6,7 tỷ đồng năm 2005) do công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính.

Lợi nhuận sau thuế

Trong năm 2004 và năm 2005 do được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán cộng với sự miễn thuế thu nhập 50% đang được hưởng trước đây nên công ty không phải nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

- Mỏ đá Hóa An của Công ty có công suất thiết kế 1.000.000 m³/năm, có quy mô đứng thứ hai trên địa bàn các tỉnh Đồng Nai và Bình Dương. Với hơn 20 năm hoạt động trong ngành sản xuất đá xây dựng, so với các đối thủ cạnh tranh trên cùng thị trường, Công ty có một số lợi thế như đã trình bày trong các phần trên bao gồm:
 - Vị trí mỏ;
 - Chất lượng mỏ; và
 - Quy mô khai thác.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

- Triển vọng phát triển của ngành trong các năm tới theo nhận định của Công ty là thuận lợi. Dự kiến nhu cầu đá xây dựng của khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các Tỉnh Đồng Nai, Bình Dương trong các năm tới tăng trưởng mạnh với tốc độ khoảng 15% – 20%/năm. Các yếu tố tác động chính thúc đẩy thị trường đá xây dựng tăng trưởng mạnh bao gồm:
 - Việc triển khai các công trình cơ sở hạ tầng, cầu, đường lớn của Thành phố Hồ Chí Minh và của khu vực:
 - Thành phố Hồ Chí Minh: Dự án đường Vành đai trong, đường Vành đai ngoài, Xa lộ Đông Tây, Xa lộ Bắc Nam v.v...
 - Khu vực: Dự án đường Xuyên Á, đường Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành

- Sự đô thị hóa mạnh mẽ tại các Quận ven và sự phát triển của các cao ốc văn phòng, chung cư v.v... tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thị xã Thủ Dầu Một, Thành phố Biên Hòa;
- Sự phát triển của các khu công nghiệp, khu chế xuất tại Tỉnh Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương.

8.3 Thị trường

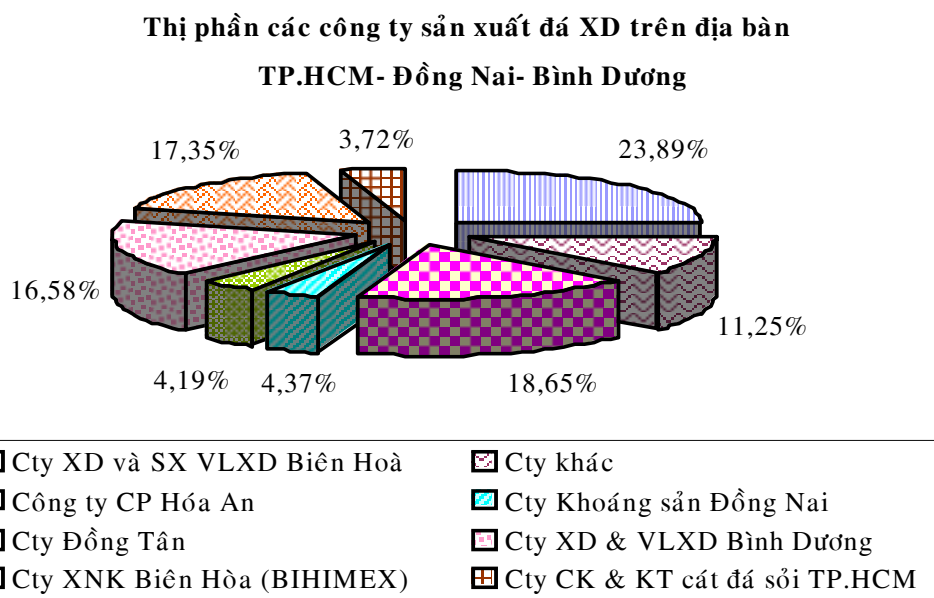
Tổng quan

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty, về mặt địa lý, chủ yếu nằm trong phạm vi vòng tròn có bán kính từ 40km đến 50km với tâm là mỏ đá Hóa An, Thành phố Hồ Chí Minh, một phần các Tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và một số khu vực khác.
Theo Công ty ước tính, thị trường này đã sử dụng vào khoảng từ 4,2 triệu m³ đến đến 4,5 triệu m³ đá xây dựng mỗi năm trong các năm tới, tương đương với độ lớn thị trường khoảng từ 500 tỷ đến 540 tỷ đồng. Thị trường có ảnh hưởng của các chu kỳ phát triển kinh tế và xây dựng, tuy nhiên dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường trong các năm tới khoảng 15% – 20%/năm.

Thế mạnh và thuận lợi của Công ty

- Tham gia thị trường với sản phẩm chính là đá xây dựng được chế biến theo các quy cách 1x1, 1x2 Công ty có các thuận lợi và thế mạnh về:
 - Vị trí mỏ;
 - Chất lượng mỏ;
 - Quy mô khai thác.
- Các lợi thế này cùng với nỗ lực trong quản lý sản xuất kinh doanh đã tạo điều kiện cho Công ty chiếm một thị phần đáng kể, đáp ứng khoảng 19 – 20% nhu cầu của thị trường. Vị thế về thị phần của Công ty so với các đơn vị khác trên cùng thị trường với Công ty có thể hình dung như sau:

Hình 6: Cơ cấu thị phần



9. Chính sách đối với người lao động

- Công ty Cổ phần Hóa An luôn tạo điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong công việc, nâng cao kiến thức chuyên môn đáp ứng các yêu cầu mới trong công tác. Hàng năm Công ty tổ chức thi giữ bậc và thi lên bậc cho công nhân.
- Công ty đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động và mức lương phù hợp với khả năng cống hiến. Lương cán bộ công nhân viên của Công ty được căn cứ trên doanh thu. Lương của các lao động trực tiếp sản xuất được khoán trên doanh thu theo các định mức do Phòng Tổ chức lao động tiền lương xác định. Lương của khối văn phòng cũng dựa vào doanh thu và được tính theo hệ số lương. Hệ số lương căn cứ theo cấp bậc và thâm niên công tác.
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách và quyền lợi đối với người lao động theo đúng các quy định, các chế độ chính sách của Nhà nước. Vì hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ đá có khả năng xảy ra rủi ro trong lao động nên Công ty rất chú trọng về vấn đề an toàn lao động. Công ty mua bảo hiểm thân thể của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) cho lao động trực tiếp sản xuất với mức cao nhất. Nếu người lao động bị tai nạn thì ngoài tiền bảo hiểm Công ty còn thực hiện trợ cấp tùy theo mức suy giảm khả năng lao động.
 Ngoài ra hàng năm Công ty còn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát ở nước ngoài cho những lao động điển hình tiên tiến.
- Công ty chủ trương khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân có nhiều đóng góp xây dựng Công ty và xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng quý hoặc 06 (sáu) tháng.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 13: Tình hình chia cổ tức từ 2002 – 2005

TT	CHỈ TIÊU	2002	2003	2004	2005
1	Mức trả cổ tức (nghìn VNĐ)	11.643.310	12.962.193	11.998.434	11.014.783
2	Tỷ lệ cổ tức, %	47	30	35	30
3	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức, %	45,34	68,72	53,62	30,16

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Các chỉ tiêu cơ bản bao gồm các mục như tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định, mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên, các khoản nộp theo luật định, tỉ lệ trích lập các quỹ và tình hình công nợ hiện nay.

Trích khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

Bảng 14: Tỷ lệ khấu hao hàng năm của các loại tài sản cố định

TT	Loại TSCĐ	Tỷ lệ khấu hao (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5-40
2	Máy móc - thiết bị	6-8
3	Phương tiện vận tải	6-7
4	Thiết bị văn phòng	5-10
5	TSCĐ vô hình	5-6

Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên trong Công ty trong năm 2005 là: 3.311.131 đồng/người/tháng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

- Tính đến ngày 31/12/2005, Công ty không có các khoản nợ quá hạn. Các khoản nợ đến hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định

- Công ty thực hiện việc nộp thuế hàng năm theo đúng quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định

- Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, Công ty phải trích lập các quỹ như sau:
 - Quỹ dự trữ bắt buộc ít nhất bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi đạt mức 10% vốn điều lệ.
 - Các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông.
 - Sau khi trích lập các quỹ, phần lợi nhuận còn lại mới được phân chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tổng dư nợ vay

- Tại thời điểm 31/12/2005 Công ty nợ ngân hàng phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Đồng Nai là 2 tỷ đồng , phải trả cho người bán là 2,1 tỷ đồng, Chi phí phải trả khác là 2,9 tỷ đồng. Tất cả các khoản nợ này đều chưa đến hạn trả)

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	9,81	10,43	10,19
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	6,73	3,84	5,11
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	11,04%	9,81%	9,58%
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	12,41%	10,88%	10,60%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	27,23	21,15	22,88
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	95,61%	94,83%	85,17%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	32,40%	34,28%	41,41%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	34,81%	36,05%	39,01%
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	37,46%	34,28%	41,41%

12. Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị

1. Ông Trần Phương Tùng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hóa An

- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 259/29 Cách Mạng Tháng 8, Phường 7, Tân Bình, Tp HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đô thị
- Quá trình công tác:

11/1983 – 04/1984:	Cán bộ phòng XDCCB, Liên hiệp các XN Gạch ngói Sành sứ - Bộ Xây dựng
04/1984 – 12/1989	Phụ trách XDCCB Xí nghiệp Cung ứng Vật tư Vận tải và XNK Vật liệu - Bộ Thương mại
12/1989 – 03/1995	Phụ trách XDCCB Xí nghiệp Cung ứng Vật tư Vận tải, Liên hiệp các Xí nghiệp VLXD số 1 – Bộ Xây dựng
10/2002 – 03/1995	Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty KDVT và XNK VLXD – Bộ Thương mại
03/1995 – 10/2002	Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty KDVT và XNK VLXD thuộc Tổng Công ty VLXD số 1
10/2002 – 03/2005	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty VLXD số 1
04/2005 đến nay	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty VLXD số 1 (Fico) – Bộ Xây dựng kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hóa An, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng FICO Tây Ninh, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng FICO-COREA

□

- Những người có liên quan: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

2. Ông Trần Văn Tề

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hóa An
- Số cổ phần nắm giữ: 946.985 cổ phần (chiếm 18,92% tổng số cổ phần), trong đó:
Sở hữu cá nhân: 1.040 cổ phần
Đại diện Vốn Nhà nước: 945.945 cổ phần
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 31A Nguyễn Tri Phương, F 14, Q 10, TPHCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng quốc gia thương mại
- Quá trình công tác:
Phó Kế toán trưởng Liên Hiệp các Xí nghiệp VLXD số 1
Trưởng ban kiểm soát Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1

- Những người có liên quan: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

3. Ông Lại Duy Hồng

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa An
- Số cổ phần nắm giữ: 13.873 cổ phần (chiếm 0,27% tổng số cổ phần)
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 13C5, Cư xá 30/4, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư mỏ địa chất
- Quá trình công tác:
1980 - 1981 Công tác tại văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ninh

1981 - 1984	Công tác tại Văn phòng Huyện ủy Đông Triều
1984 - 1992	Công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa
1992 - 1998	Công tác tại XN khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An
1998 - 2002	Giám đốc XN khai thác đá số 1 – Công ty khai thác đá và VLXD Hóa An thuộc Tổng Công ty XD
2002 – 05/2004	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hóa An
06/2004 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Hóa An

- Những người có liên quan: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

4. Ông Trịnh Tiến Bẩy

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa An;
- Số cổ phần nắm giữ: 4.607 cổ phần (chiếm 0,092% tổng số cổ phần);
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/11/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 109/30/2 Phan Chu Trinh, phường Quang Vinh, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí.
- Quá trình công tác:
 - 9/1997- 9/2002: Đội phó đội cơ giới Công ty khai thác đá Hóa An;
 - 10/2002 – 5/2004: Phó Giám đốc Xí nghiệp 1- Công ty CP Hóa An;
 - 6/2004 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hóa An.

- Những người có liên quan: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

5. Bà Lê Thị Quyết

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hóa An
- Số cổ phần nắm giữ: 4.108 cổ phần (chiếm 0,082% tổng số cổ phần)

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 14/9 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác:
 - 1985 – 1995 Kế toán thanh toán, Công ty Khai thác Đá & VLXD Hóa An
 - 1996 - 1998 Phó phòng Kế toán kiêm kế toán thanh toán Công ty khai thác đá & VLXD Hóa An
 - 10/1998 – 05/2000 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng kế toán Công ty khai thác đá & VLXD Hóa An
 - 2000 – 04/2005 Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán Công ty CP Hóa An, Ủy viên HĐQT
- Những người có liên quan:
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

6. Ông **Đình Lê Chiến**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hóa An
- Số cổ phần nắm giữ: 48.548 cổ phần (chiếm 0,97% tổng số cổ phần)
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 27/1 Nguyễn Văn Đậu, P.6, Q. Bình Thạnh, Tp HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quan hệ Quốc tế
- Quá trình công tác:
 - 1988 – 1991: Đại diện Công ty Leshar tại Việt Nam
 - 1992 – 1993: Ban dự án Công ty Toseco

1993 – 1995 Phó Giám đốc điều hành Công ty Liên doanh Saigon Village
 1999 đến nay Giám đốc Công ty TNHH Nam Thiên Hà

- Những người có liên quan:
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

Các thành viên Ban Kiểm soát

1. Ông Trần Công Hạnh

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa An
- Số cổ phần nắm giữ: 4.160 cổ phần (chiếm 0,083% tổng số cổ phần)
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 3.2 Lô B, Chung cư 280/29, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - 04/1984 – 07/1987: Giáo viên trường Trung học Hóa chất 2, Biên Hòa, Đồng Nai
 - 07/1987 – 02/1997 Nhân viên, Phó phòng kế toán Công ty Gạch men Thanh Thanh – Tổng Công ty VLXD 1 – Bộ Xây dựng
 - 03/1997 – 07/2003 Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty Gạch men Thanh Thanh, Đồng Nai
 - 07/2003 – 08/2004 Phó kế toán trưởng Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1
 - 08/2004 đến nay Ủy viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát Tổng Công ty VLXD – Bộ Xây dựng

- Những người có liên quan: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

2. Ông Phùng Quang Ngọc

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Hóa An
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 1964
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 52/11A Nguyễn Thị Thập, Phường Bình Thuận, Quận 7, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Ngoại thương – Tài chính - Kế toán
- Quá trình công tác:

1988 – 1992	Đại diện Công ty XNK Khánh Hòa tại Tp.HCM
1992 - 1994	Công tác tại Công ty Du lịch Khánh Hòa
1994 – 2000	Công ty Chi nhánh Tàu thủy Sài Gòn
2000 đến nay	Escape Bourbon An Lạc, Trưởng bộ phận thu ngân Big C An Lạc
- Những người có liên quan: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

3. Ông Phan Văn Quang

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Hóa An
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 113 Đường 16, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác:

1989 - 1996	Làm việc tại Huế
1997 – đến nay	Làm việc tại Văn phòng Tổng Công ty VLXD số 1
- Những người có liên quan: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

Ban Giám đốc

1. Ông **Lại Duy Hồng** – Tổng Giám đốc (xem phần trên)
2. Ông **Trịnh Tiến Bấy** – Phó Tổng Giám đốc (xem phần trên)

13. Tài sản

Bảng 16: Danh mục tài sản chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2005

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tài sản cố định	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ NG
Tài sản hữu hình				
1	Máy nghiền Allis	12.727.788.230	0	0%
2	Máy khoan thủy lực XL-635	3.600.460.000	238.478.219	6,62%
3	Máy nghiền sàng PDSU 200	1.842.857.148	1.225.255.110	66,49%
4	Văn phòng Công ty	817.600.000	395.833.130	48,41%
5	máy đào + búa đập đá thủy lực	1.840.920.000	1.735.874.000	94,29%
Tài sản vô hình				
1	Đền bù đất đai hoa màu XN2	1.779.200.565	687.545.730	38,64%
2	Đền bù giải tỏa hoa màu	972.124.000	407.097.134	41,88%
3	Giá trị lợi thế kinh doanh	834.000.000	487.855.518	58,50%

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Các chỉ tiêu định hướng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2006 đến 2008, của Công ty dự kiến như sau:

Bảng 17: Ước tính kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2006 – 2008

CHỈ TIÊU	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2005	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2006	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2007
Doanh thu thuần	70.000	-20,96	75.000	+7,14	78.600	+4,8
Lợi nhuận sau thuế	22.000	-39,75	23.000	+4,45	25.000	+8,69
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	31,42	-9,99	30,66	-0,76	31,80	+1,14
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn cổ phần	43,95	-50,89	33,82	-10,13	36,76	+2,94
Cổ tức	20%	-10,00	20%	0	20%	0

- Kế hoạch hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần nhất

Bảng 18: Kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần nhất

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1	Tổng giá trị tài sản	147.000.000	148.000.000	149.500.000
2	Doanh thu thuần	70.000.000	75.000.000	78.600.000
3	Lợi nhuận trước thuế	27.500.000	28.750.000	31.250.000
4	Lợi nhuận sau thuế	22.000.000	23.000.000	25.000.000
5	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	20%

- Giai đoạn 2006 – 2008, Công ty xây dựng kế hoạch có lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao hơn giai đoạn hiện nay do một số nguyên nhân sau:
 - Năm 2007, mỏ đá Thường Tân đã ổn định mang lại doanh thu cho Công ty, dự kiến mỗi năm từ 4 đến 5 tỷ đồng doanh thu. Từ đó, có thể tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
 - Mỏ đá Hóa An: Giấy phép khai thác đến hết năm 2010, gần đây Công ty đã được cấp Giấy phép cho khai thác xuống độ sâu 60m. Do đó, sẽ góp phần làm ổn định sản lượng và doanh thu từ đây đến năm 2010. Kế hoạch của Hội đồng quản trị Công ty là tranh thủ khai thác tối đa sản lượng mỏ đá Hóa An để tăng doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi còn có những khó khăn như chi phí nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển ngày càng tăng làm cho chi phí sản xuất của Công ty tăng.

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty

15.1. Kế hoạch ngắn hạn

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh:
 - Mở rộng hiện trường khai thác mỏ Hóa An đồng thời tận dụng tối đa năng lực sản xuất của máy móc thiết bị để nâng cao sản lượng sản phẩm.
 - Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm bằng các hình thức giảm giá bán sỉ, khuyến mãi hoa hồng môi giới, thưởng tiêu thụ cuối năm v.v... Nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
 - Hạn chế rủi ro và duy trì hiệu quả trong hoạt động khai thác và chế biến đá. Tập trung quản lý các khâu then chốt trong quá trình khai thác; tận dụng năng lực máy móc và nhân công bên ngoài theo hình thức giao khoán chi phí trọn gói ở những khâu cần nhiều lao động phổ thông. Khuyến khích các tổ đội lao động trực tiếp chuyển thành các doanh nghiệp độc lập nhận khoán trọn gói từ công ty.
 - Hợp lý hóa sản xuất trong tất cả các khâu, định kỳ xem xét lại định biên lao động hợp lý, định mức vật tư, kinh tế kỹ thuật, định mức khoán.

- Tìm hiểu và tiến hành xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 14.000 để đảm bảo tính cạnh tranh của sản phẩm cũng như đáp ứng những yêu cầu về bảo vệ môi trường tại các mỏ đá.
- Về đầu tư tài chính:
 - Nghiên cứu và góp vốn vào các dự án có tính khả thi cao trong các lĩnh vực có liên quan như: xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà chung cư, cao ốc văn phòng cho thuê, đầu tư bất động sản v.v...
 - Đầu tư vào các công ty cổ phần mới thành lập có tỷ suất lợi nhuận khá và có triển vọng phát triển.
 - Tỷ lệ vốn huy động vào lĩnh vực đầu tư tài chính tối đa không vượt quá 50% Vốn điều lệ của Công ty.
- Về đào tạo xây dựng nguồn nhân lực:
 - Công ty chú trọng vào việc đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ nhân viên. Hàng năm Công ty đều tổ chức các khóa học cho đội ngũ lao động gián tiếp như: vi tính, ngoại ngữ, hay các khóa học ngắn và dài hạn để nâng cao chuyên môn. Công ty cũng thường xuyên đào tạo, đào tạo lại và tổ chức thi tay nghề cho lao động trực tiếp sản xuất để xét nâng bậc tay nghề và nâng bậc lương.
 - Ngoài ra Công ty còn chú trọng đào tạo và tăng cường nguồn nhân lực quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn TCVB 1771 – 75 và tiến tới xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 14.000.

15.2. Kế hoạch dài hạn

- Tập trung chủ yếu vào hoạt động sản xuất kinh doanh tại mỏ đá Hóa An đang có thế mạnh về chất lượng để tích lũy vốn, chuẩn bị tiền đề cho việc chuyển hướng đầu tư sang các lĩnh vực hoạt động kinh doanh khác có tính ổn định, lâu dài hơn.
- Triển khai dự án mỏ đá Núi Gió với tổng vốn đầu tư 10 – 15 tỷ đồng. Hiện nay, công ty Hóa An đang trong quá trình thực hiện những công việc cần thiết ban đầu như: Lập các thủ tục pháp lý, đo vẽ bản đồ, thiết kế mỏ, lập các luận chứng, phương án và thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng toàn bộ khu vực mỏ, v.v... Tất cả các công việc này đang được khẩn trương tiến hành, dự kiến đến cuối Quý I/2004 sẽ hoàn thành. Như vậy, vào đầu Quý II/2004, mỏ đá Núi Gió sẽ được đưa vào khai thác.
- Xây dựng phương án đầu tư cải tạo khu vực mỏ đá Hóa An thành khu du lịch nếu giấy phép khai thác đá không được gia hạn (năm 2010). Tổng vốn đầu tư của dự án dự kiến khoảng 50 tỷ đồng dưới hình thức trực tiếp hoặc liên doanh.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng mới nhằm đa dạng hóa nguồn doanh thu. Liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư với các đơn vị khác để sản xuất các sản phẩm sau đá (bê tông nhẹ, bê tông tươi, v.v...).
- Phát triển đầu tư tài chính trong ngành vật liệu xây dựng, các ngành và lĩnh vực khác.

15.3. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh

Các chiến lược kinh doanh chính của Công ty như sau:

Trong ngắn hạn

- Tập trung quản lý các khâu then chốt trong quá trình khai thác; tận dụng năng lực máy móc và nhân công bên ngoài theo hình thức giao khoán trọn gói ở những khâu cần nhiều lao động phổ thông.
- Khuyến khích các tổ, đội lao động trực tiếp chuyển thành các doanh nghiệp độc lập và ký hợp đồng nhận khoán trọn gói từ Công ty.
- Hợp lý hóa sản xuất trong tất cả các khâu, định kỳ xem xét lại định biên lao động hợp lý, định mức vật tư, kinh tế kỹ thuật, định mức khoán.

Trong dài hạn

- Kinh doanh chủ yếu vẫn là khai thác và chế biến đá. Bên cạnh đó tiến hành nghiên cứu phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng mới, đa dạng hóa các loại sản phẩm; cân nhắc cả hai phương án đầu tư tài chính và đầu tư trực tiếp.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Năm 2006 -2008, Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận có tỷ lệ tăng trưởng trung bình so với năm 2005, điều này phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong giai đoạn này Công ty thực hiện đầu tư, khai thác dự án mở rộng năng lực sản xuất thì doanh thu và lợi nhuận sẽ tăng tương ứng. Ngoài ra, dự án khai thác – chế biến đá xây dựng mỏ Thường Tân đã đi vào hoạt động góp phần tăng doanh thu của Công ty.

Công ty duy trì mức trả cổ tức 20%/mệnh giá cho 3 năm tiếp theo, đây là mức cổ tức tương đối cao so với các Công ty niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Với mức cổ tức này, Công ty phải dùng nguồn lợi nhuận sau thuế trung bình là 57,65% để trả cổ tức, phần còn lại Công ty sẽ bổ sung các quỹ và bổ sung nguồn vốn kinh doanh tại thời điểm thích hợp. Đây cũng là chính sách phát triển phù hợp của Công ty.

Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

17. Thông tin và những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán

Không có

IV. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại chứng khoán

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DHA

2. Mệnh giá

- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)

3. Tổng số chứng khoán phát hành và niêm yết bổ sung

- Tổng số cổ phiếu của Công ty đã phát hành xin đăng ký niêm yết bổ sung: 1.701.500 cổ phiếu (Một triệu, bảy trăm lẻ một ngàn, năm trăm cổ phiếu).
 - ❖ Phần 1: Phát hành cho cổ đông hiện tại theo danh sách được chốt: Khối lượng phát hành và niêm yết bổ sung: 1.501.500 cổ phiếu
 - ❖ Phần 2: Phát hành cho thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt của Công ty: Khối lượng phát hành và niêm yết bổ sung: 200.000 cổ phiếu.

4. Giá phát hành dự kiến

- ✓ Phần 1: Phát hành cho cổ đông hiện tại với giá giảm 40% so với giá đóng cửa ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, nhưng không thấp hơn mức giá do HĐQT Công ty xem xét, ấn định nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty.
- ✓ Phần 2: Phát hành cho thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt của Công ty với giá bằng với giá phát hành cho cổ đông hiện tại của Phần 1 trên.

(giá phát hành chính thức sẽ được công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành sau ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm)

5. Phương pháp tính giá

Giá phát hành cho các đối tượng được tính toán theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF) kết hợp với giá thị trường và có sử dụng tỷ lệ giảm giá do HĐQT trình ĐHCĐ quyết định.

6. Phương thức phân phối

- Phân phối theo hình thức đại lý phát hành
- Đơn vị tư vấn và đại lý phát hành:
 - ✓ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Trụ sở chính: 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Chi nhánh tại Hà Nội: 25 Trần Bình Trọng, Hà Nội

7. Thời gian phân phối cổ phiếu (dự kiến)

Tôi đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực và căn cứ vào tình hình thị trường mà Hội đồng quản trị Công ty quyết định chọn thời điểm phát hành phù hợp.

8. Kế hoạch chào bán cổ phần

❖ **Phần 1:** Phát hành cho cổ đông theo danh sách được chốt theo tỷ lệ 10:3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được quyền mua 3 cổ phiếu) với giá giảm 40% so với giá đóng cửa ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, nhưng không thấp hơn mức giá do HĐQT Công ty xem xét ấn định nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty.

- ✓ Cổ phiếu phát hành trước hết sẽ được phân phối cho các cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phần. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo Danh sách tổng hợp và phân bổ quyền của người sở hữu chứng khoán do TTGDCK Tp.HCM cung cấp.
- ✓ Số cổ phiếu không được cổ đông theo phương thức thực hiện quyền mua không đặt mua hết (nếu có) và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu không chia hết cho 10 (mười) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối tiếp cho các đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện tại.
- ✓ Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua thêm cổ phần: người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua chứng khoán của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

Phần 2: Phát hành cho thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt theo danh sách do Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

- ✓ Trong thời gian thực hiện phát hành cho cổ đông hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa An sẽ lập danh sách thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt của Công ty được mua cổ phần.
- ✓ Cổ phần phát hành cho thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt không được chuyển nhượng trong thời hạn 1 năm kể từ ngày nộp tiền mua cổ phiếu.
- ✓ Tiêu chí lựa chọn cán bộ chủ chốt: là cán bộ đang đảm nhiệm những công việc quan trọng, là lao động xuất sắc và có 02 năm công tác trong Công ty Cổ phần Hóa An, đang có triển vọng phát triển thành những cán bộ đảm nhiệm những công việc quan trọng trong sản xuất và quản lý.

Các bước thực hiện phát hành như sau:

Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu và Danh sách thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt được quyền mua thêm cổ phiếu

- ✓ Công ty sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với TTGDCK Tp.HCM để xác định Danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới.
- ✓ Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty lập Danh sách thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt được quyền mua cổ phiếu.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- ✓ Công ty phối hợp TTGDCK Tp.HCM phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua cổ phiếu cho các cổ đông thông qua các thành viên lưu ký. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty có trách nhiệm thông báo và phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.
- ✓ Các cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại các thành viên lưu ký đó.
- ✓ Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phần theo mức giá quy định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản. Thành viên lưu ký sẽ chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần vào tiền gửi đăng ký mua chứng khoán trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày TTGDCK Tp.HCM phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
- ✓ Thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt sẽ đóng tiền mua tại Trụ sở Công ty theo danh sách đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Quyền mua cổ phần này sẽ không được chuyển nhượng. Sau khi thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt hoàn tất việc đóng tiền thì Công ty sẽ thực hiện phân bổ cổ phiếu cho các cổ đông

Trong thời hạn 15 ngày làm việc để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 2 ngày làm việc so với hạn cuối cùng đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:

- ✓ Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại các thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền
- ✓ Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu.
- ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký sẽ xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua cổ phần mới phát hành thêm.

- ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi TTGDCK Tp.HCM yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán. Sau khi TTGDCK Tp.HCM xác nhận việc nhận chuyển nhượng (trong vòng 1 ngày làm việc) và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan, căn cứ vào thông báo của TTGDCK Tp.HCM, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi Xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
- ✓ Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền

- ✓ Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 1 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- ✓ Đồng thời thành viên lưu ký chuyển ngay tiền thanh toán mua chứng khoán của nhà đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của TTGDCK Tp.HCM tại Ngân hàng chỉ định để TTGDCK Tp.HCM chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Hóa An.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

- ✓ Vào ngày phát hành, TTGDCK Tp.HCM gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- ✓ Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết trên tài khoản lưu ký của người đầu tư.
- ✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty Cổ phần Hóa An.

Bước 5: Tổng kết phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung

- ✓ Kết thúc việc phân phối cổ phiếu: Công ty Cổ phần Hóa An sẽ gửi Báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTGDCK Tp.HCM. Sau khi nhận được chấp thuận niêm yết, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký và thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu đối với cổ phiếu phát hành.

Lưu ý: Nếu quá 15 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua cổ phần có hiệu lực mà cổ đông đó không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phần mới mà không nhận được bất cứ sự đền bù nào của Công ty. Thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt không được chuyển nhượng quyền mua của mình dưới bất kỳ hình thức nào.

Bảng 19: Lịch trình thực hiện phân phối cổ phiếu

TT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
1	Thông báo chốt danh sách cổ đông cho TTGDCK Tp.HCM	D	DHA, SSI
2	Chốt danh sách cổ đông và danh sách thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt Công ty được mua cổ phiếu	D + 10	TTGDCK Tp.HCM
3	TTGDCK Tp.HCM gửi Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho thành viên lưu ký (TVLK)	D + 15	TTGDCK Tp.HCM
4	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu (nếu có)	D + 16 - D + 28	TTGDCK Tp.HCM - TVLK
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	D + 16 – D + 30	TVLK
6	Gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu và chuyển tiền cho tổ chức phát hành	D + 35	TTGDCK Tp.HCM
7	Phân bổ cổ phiếu cho cổ đông và phân bổ cổ phiếu cho thành viên HĐQT, BKS, cán bộ chủ chốt	D + 45	TVLK
8	Thực hiện bán và phân bổ số cổ phiếu của cổ đông theo phương thức thực hiện quyền không mua hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh do cổ đông sở hữu không chia hết cho 10 cho các đối tượng khác do HĐQT Công ty phê duyệt (nếu có)	D + 47	DHA, TVLK
9	Báo cáo phát hành cho UBCKNN và TTGDCK Tp.HCM	D + 50	DHA, SSI
10	Nhận chấp thuận niêm yết và thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu	D + 60	UBCKNN, TTGDCK Tp.HCM, SSI

(Ghi chú: Ngày D được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu này sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký phát hành)

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Hóa An không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Vì vậy khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên TTGDCK thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 20,00%.

10. Các loại thuế có liên quan

Công ty Cổ phần Hóa An thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước thông qua các loại thuế sau:

- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25%. Đối với dự án mỏ đá Núi Gió tại xã Tân Lợi, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

- Theo quy định tại giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư ngày 16 tháng 10 năm 2000 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp hai (02) năm kể từ khi kinh doanh có lãi và được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho bốn (04) năm tiếp theo. Công ty đã được miễn thuế năm 2000, 2001 và 5 tháng năm 2002. Từ năm 2002 đến năm 2005, Công ty được giảm 50% thuế Thu nhập doanh nghiệp.
- Theo qui định của Thông tư số 74/2000/TT – BTC ban hành ngày 19/07/2000 của Bộ Tài chính, đối với tổ chức phát hành có chứng khoán được niêm yết, ngoài việc được hưởng các ưu đãi về thuế phù hợp với quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành còn được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong hai (02) năm tiếp theo kể từ khi niêm yết chứng khoán lần đầu tại TTGDCK.
- Cũng theo Thông tư nêu trên, các cá nhân đầu tư chứng khoán được miễn thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao đối với khoản thu nhập từ cổ tức, lãi trái phiếu, chênh lệch mua bán chứng khoán.
- Năm 2006 Công ty không còn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

- **Tiền thuê đất:**

Nộp theo quy định trên hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, theo quy định tại giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư ngày 16/10/2000 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng những ưu đãi sau:

- Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời hạn sáu (06) năm đối với diện tích đất thuê để thực hiện dự án mở rộng nâng công suất mỏ Hóa An lên 1.000.000 m³ đá nguyên khai/năm (dự án 1) và dự án mỏ đá Suối Trầu (dự án 2).

Hiện nay, mỏ đá Suối Trầu, Long Thành, Đồng Nai nằm trong khu vực quy hoạch sân bay quốc tế Long Thành, UBND Tỉnh Đồng Nai có quyết định tạm ngưng khai thác và chờ đền bù và có kế hoạch cho Công ty tìm mỏ đá khác thay thế cho mỏ đá Suối Trầu. Công ty đang tiến hành các thủ tục cấp phép khoan thăm dò mỏ đá Phước Tân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thay thế cho mỏ đá Suối Trầu.

- Diện tích đất thuê để thực hiện dự án đầu tư khai thác và sản xuất đá xây dựng công suất 250.000 m³/năm tại mỏ đá Núi Gió tại xã Tân Lợi, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước (dự án 3) được miễn tiền thuê đất 13 năm kể từ khi ký kết hợp đồng thuê đất.

Dự án 1: thuê 275.668 m² theo Hợp đồng thuê đất số 315/HĐTĐ.trn, số 316/HĐTĐ.trn và số 317/HĐTĐ.trn ngày 21/12/2000.

11. Ngân hàng mở tài khoản nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu là tài khoản của Công ty Cổ phần Hóa An mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Đồng Nai.

Số tài khoản: 67010000000606

Địa chỉ: Số 7, Đường Bùi Văn Hòa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: (84.61) 842 253

V. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Đợt phát hành cổ phiếu lần này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên (lấy ý kiến bằng văn bản) năm 2006 của Công ty Cổ phần Hóa An ngày 11/07/2006. Mục tiêu của đợt phát hành lần này bao gồm:

- Huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư:
 - Đầu tư, khai thác mỏ đá Thường Tân
 - Đầu tư, khai thác mỏ đá Phước Tân
 - Dự án góp vốn liên doanh vào Nhà máy Xi măng Tây Ninh – Tafico
- Bổ sung vốn lưu động để đáp ứng yêu cầu kinh doanh (nếu có)

VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Mục đích phát hành

Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu dự kiến sẽ được sử dụng như sau: Triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 11/07/2006 về việc phát hành cổ phiếu để huy động vốn cho các dự án đầu tư.

- Huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư:
 - Đầu tư, khai thác mỏ đá Thường Tân: là 1,8 tỷ đồng.
 - Đầu tư, khai thác mỏ đá Phước Tân: là 26,61 tỷ đồng.
 - Dự án góp vốn liên doanh vào Nhà máy Xi măng Tây Ninh (Tafico): là 22,634 tỷ đồng.
- Bổ sung vốn lưu động để đáp ứng yêu cầu kinh doanh (nếu có)

2. Phương án khả thi các dự án đầu tư

Thông tin về các dự án đầu tư được lấy thông tin từ các Báo cáo khả thi của các dự án.

2.1. Dự án Đầu tư, khai thác mỏ đá Thường Tân:

a. Giới thiệu dự án

- Hình thức đầu tư: đầu tư mới trên cơ sở sang nhượng lại giấy phép khai thác tận thu của Công ty TNHH Khai Nguyên và Công ty Cao lanh Đất Cuốc.
- Địa điểm: Mỏ đá xây dựng Thường Tân, xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Sản lượng khai thác:
 - Giai đoạn 1 từ năm thứ 1 đến năm thứ 5: khai thác với sản lượng 200.000 m³ đá sản phẩm trong 1 năm.
 - Giai đoạn 2 từ năm thứ 6 đến khi kết thúc khai thác: khai thác với sản lượng 500.000m³ đá sản phẩm trong 1 năm.

b. Tính khả thi của dự án

Mỏ được thiết kế với các giải pháp kỹ thuật hợp lý, các thông số kỹ thuật khai thác mỏ cũng như các thông số an toàn được lựa chọn đều phù hợp với các quy định khai thác mỏ lộ thiên. Ngoài ra, theo tính toán các chỉ số tài chính trên cho thấy dự án này có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo khả năng thu hồi vốn, thuế và các khoản trích nộp ngân sách nhà nước cao góp phần đảm bảo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

c. Phân tích hiệu quả của dự án

- Tổng vốn đầu tư (chỉ tính phần Công ty đầu tư)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Giá trị
I.	GIAI ĐOẠN I	19.683.994
1.	Vốn xây dựng cơ bản	5.202.091
2.	Vốn đầu tư cơ bản	12.284.200
3.	Vốn thiết bị	1.132.700
II.	ĐẦU TƯ BỔ SUNG GIAI ĐOẠN II	2.661.000
1.	Vốn thiết bị	50.000
2.	Vốn lưu động (6 vòng quay/năm)	2.662.500
III.	TỔNG VỐN ĐẦU TƯ	26.868.334

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn huy động vay ngân hàng và vốn tự có của Công ty
- Tỷ lệ thu nhập nội bộ và hiện giá thu nhập ròng

Chỉ tiêu	Giá trị
NPV (Triệu đồng)	27.372
IRR (%)	28,84
Thời gian hoàn vốn	6 năm

d. Tiên độ thực hiện dự án

Hiện nay, dự án đã đi vào hoạt động và đã có doanh thu. Công ty cần huy động thêm lượng vốn 1,8 tỷ đồng trong đợt phát hành cổ phiếu mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động cho dự án.

2.2. Dự án đầu tư, khai thác mỏ đá Phước Tân

a. Giới thiệu dự án

- Mục tiêu: đầu tư thăm dò, khai thác và chế biến đá xây dựng với công suất đá 1x2cm: 1.200.000 m³/năm và đá mi bụi đi kèm: 200.000 m³/năm; Độ sâu khai thác: đến cote – 60m; diện tích khai thác 20h; Diện tích khi chế biến và các công trình phụ trợ: 7 ha.
- Vị trí: khu chế biến và văn phòng mỏ dự kiến được đặt tại Ấp Tân Cang, xã Phước Tân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm: Đá 1x2 cm và đá mi kèm theo.
- Quy mô sản phẩm và tiêu thụ:

Quy mô sản xuất của dự án là 1.000.000 m³ đá nguyên khối/năm.

Giá bán:

Đá 1x2 cm: 85.000 đồng/m³

Đá mi: 30.000 đồng/m³

Khả năng tiêu thụ: Từ nay đến năm 2010, khai thác 50% sản lượng thiết kế. Sau năm 2010, các mỏ tại thành phố Biên Hòa phải đóng cửa sẽ nâng suất khai thác lên 1.000.000 m³/năm.

b. Tính khả thi của dự án

Công ty Hóa An là doanh nghiệp đã hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, đặc biệt là vật liệu xây dựng các loại. Trong những năm gần đây, nhu cầu sử dụng đá xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các khu vực lân cận đang ngày càng tăng, trung bình khoảng 24%/năm.

Ngoài ra, theo các chỉ số tài chính trên, dự án đi vào hoạt động sẽ mang lại lợi nhuận cho Công ty, giải quyết việc làm cho người lao động, đóng góp ngân sách nhà nước.

c. Phân tích hiệu quả của dự án

DVT: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	Giá trị
I.	Vốn cố định	38.750.000
1.	Vốn chuẩn bị đầu tư	26.900.000
2.	Vốn xây dựng cơ bản	3.850.000
3.	Vốn thiết bị	8.000.000
II.	Chi phí sản xuất	81.539.792
1.	Chi phí sản xuất	80.389.792
2.	Chi phí khác	1.150.000
III.	Vốn lưu động (12 vòng quay trong năm)	6.794.983
IV.	Tổng hợp vốn đầu tư	45.544.983

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn huy động vay ngân hàng và vốn tự có của Công ty
- Tỷ lệ thu nhập nội bộ và hiện giá thu nhập ròng

Chỉ tiêu	Giá trị
NPV (Triệu đồng)	176.026
IRR (%)	18,51
Thời gian hoàn vốn	5 năm

d. Tiến độ thực hiện dự án:

- Thực hiện công tác thăm dò, đánh giá chất lượng, trữ lượng đá cũng như làm thủ tục cấp giấy phép khai thác mỏ: 1 năm
Song song với việc thực hiện công tác thăm dò tiến hành công tác đền bù đất đai, xây dựng văn phòng nhà xưởng, mặt bằng khu chế biến
- Sau khi lắp đặt xây dựng hoàn chỉnh, từ năm thứ 2 trở đi, sẽ chính thức đưa mỏ vào hoạt động với 50% công suất thiết kế.
- Từ năm thứ 4 trở đi, Công ty khai thác mỏ với 100% công suất thiết kế.

2.3. Dự án góp vốn liên doanh vào Nhà máy Xi măng Tây Ninh (Tafico):

a. Giới thiệu dự án

- Mục tiêu đầu tư:

- Khai thác nguồn tài nguyên: đá vôi, đá sét, laterit, sẵn có tại địa phương huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh để sản xuất xi măng chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xi măng ngày càng tăng của nước ta
- Cung cấp xi măng cho thị trường các tỉnh miền Đông Nam Bộ, tạo nguồn thu ngân sách cho nhà nước, tạo việc làm cho người lao động, là tiền đề cho việc phát triển công nghiệp địa phương, phù hợp với chủ trương công nghiệp hóa, v.v...
- Hình thức đầu tư: Nhà máy xi măng Tây Ninh được đầu tư xây dựng mới, các Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 tham gia giữ cổ phần chi phối và các thành viên khác, trong đó Công ty Cổ phần Hóa An tham gia góp 5% vốn góp cổ phần, tương ứng 26,25 tỷ đồng với tiến độ góp vốn từ năm 2004 – 2008.
- Nguồn vốn đầu tư của dự án: bao gồm vốn tự có, vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển, vay nước ngoài mua sắm thiết bị, vay ngân hàng trong nước ngắn hạn và dài hạn.
- Công suất của nhà máy xi măng Tây Ninh là:
 - Tính theo clanhke là: 4.000 tấn clanhke/ngày
 - Tính theo xi măng là: 1.500.000 tấn xi măng/năm
- Vị trí: Vị trí xây dựng nhà máy thuộc ấp Cây Cày, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- Thời gian hoàn thành dự án: Nhà máy xi măng Tây Ninh có hai cơ sở:
 - Nhà máy chính xây dựng vào năm 2005 - 2007 và khai thác sử dụng vào năm 2008.
 - Trạm nghiền xi măng COTEC chủ trương của FICO sáp nhập vào Công ty CP xi măng Tây Ninh trước 1 năm khi nhà máy bắt đầu bước vào sản xuất. Hiện nay, COTEC đã xây dựng 2 dây chuyền nghiền xi măng Tây Ninh, sẽ tiếp nhận 500.000TCL/ năm của nhà máy xi măng Tây Ninh để sản xuất 600.000 TXM/năm.

b. Tính khả thi của dự án

- Nhà máy xi măng Tây Ninh được xây dựng trên cơ sở tận dụng được nguyên liệu sẵn có tại địa phương, mỏ nguyên liệu và nhà máy gần nhau, vận chuyển nguyên liệu không tốn kém nhiều, có điều kiện cung cấp điện nước, v.v... đảm bảo nhà máy hoạt động tốt trong điều kiện hiện có.
- Việc đầu tư dự án xi măng Tây Ninh mang lại hiệu quả kinh tế - tài chính trực tiếp cho dự án, góp phần đáp ứng nhu cầu xi măng trong cả nước, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tạo nguồn thu ngân sách nhà nước, v.v...

c. Phân tích hiệu quả của dự án

- Phương án 1: Vốn tự có 20%, vay Quỹ hỗ trợ phát triển: 20%
- Phương án 2: Vốn tự có 20%, vay Quỹ hỗ trợ phát triển 30%

ĐVT: triệu đồng

Hạng mục	Phương án 1	Phương án 2
I. Tổng mức đầu tư	2.825.079	2.813.037
1. Nhà máy xi măng Tây Ninh	2.636.651	2.624.609
- Vốn cố định	2.341.548	2.329.507
- Vốn lưu động	222.000	222.000
- Thuế VAT	73.102	73.102
2. Giá trị còn lại của Trạm nghiền xi măng COTEC	188.427	188.427
- Vốn cố định còn lại	173.427	173.427
- Vốn lưu động	15.000	15.000
II. Mức huy động công suất NM xi măng Tây Ninh		
- Năm thứ 1	75%	75%
- Năm thứ 2	90%	90%
- Năm thứ 3	100%	100%
III. Thời gian thu hồi vốn	7 năm 6 tháng	7 năm 4 tháng
IV. Hệ số hoàn vốn nội bộ sau thuế (IRR)	10,92%	11,18%
V. Hiện giá thu nhập thuần	213.853	254.379
VI. Suất đầu tư (đồng/tấn SP)	1.676.651	1.668.623

d. Tiến độ dự án:

Hiện nay, dự án đã hoàn tất giai đoạn chuẩn bị đưa dự án vào xây dựng: hoàn tất thủ tục cấp phép đầu tư, bàn giao mặt bằng cho nhà thầu đưa nhân sự vào xây dựng các hạng mục công trình, song song với việc xây dựng các công trình phụ trợ khác của công trình.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Trụ sở chính

Địa chỉ: 180 – 182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 821 8567

Fax: (84.8) 821 3867

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 942 6718

Fax: (84.4) 942 6719

Email: ssi_ssi@hn.vnn.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 827 2295 – 827 2296

Fax: (84.8) 827 2298 – 827 2300

VIII. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

Công ty xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc giá cả chứng khoán do Công ty phát hành khi các nhà đầu tư xem xét việc đầu tư vào Công ty. Các nhân tố rủi ro bao gồm:

1. Rủi ro về kinh tế

- Các kế hoạch và dự báo về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm tới được xây dựng trên cơ sở giả định là nhu cầu xây dựng của khu vực thành phố Hồ Chí Minh, các Tỉnh Đồng Nai, Bình Dương tăng trưởng ổn định. Do nhu cầu xây dựng phụ thuộc yêu cầu phát triển kinh tế, đặc biệt trong các công trình hạ tầng cơ sở lớn của khu vực, nên khi có những biến động trong phát triển kinh tế của khu vực thì kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có thể bị thay đổi. Từ đó dẫn đến giá cả chứng khoán do Công ty phát hành thay đổi.
- Các biến động kinh tế có thể bắt nguồn sự thay đổi trong đầu tư nước ngoài tại khu vực, chính sách phát triển kinh tế của địa phương, sự phân bổ nguồn vốn phát triển hạ tầng của trung ương, v.v...

Các biến động này đã từng xảy ra trong quá khứ, cụ thể như sự sút giảm kinh tế của nước ta trong các năm 1998 và 1999 đã làm giảm nhu cầu xây dựng ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bình Dương trong các năm tiếp theo. Thị trường giảm nhu cầu xây dựng dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Khai thác đá và Vật liệu xây dựng Hóa An (tiền thân của Công ty hiện nay) đã bị ảnh hưởng: sản lượng sản phẩm tiêu thụ của năm 1999 giảm 24% so với năm 1998, giá bán sản phẩm cũng giảm 10% làm doanh thu giảm từ 75 tỷ trong năm 1998 xuống 53,6 tỷ trong năm 1999.

- Ngoài tác động gián tiếp của rủi ro kinh tế đến giá cả chứng khoán qua kết quả hoạt động kinh doanh. Giá cả chứng khoán do Công ty phát hành còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của những rủi ro kinh tế khác như tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát, sự thay đổi tỷ giá v.v...

Sự ổn định và mức độ tăng trưởng kinh tế của cả nước là nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư chung của xã hội và việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Khi nền kinh tế kém ổn định, nhu cầu đầu tư dài hạn sẽ thấp làm cho giá cả chứng khoán nói chung không ổn định. Ngược lại, khi nền kinh tế phát triển ổn định thì nhu cầu đầu tư chứng khoán dài hạn sẽ cao và làm ổn định giá cả chứng khoán nói chung.

Sự thay đổi lãi suất tiền gửi ngân hàng cũng có những tác động trực tiếp đến giá cả chứng khoán do đây cũng là một kênh thu hút vốn để nhà đầu tư có thể chọn lựa. Khi lãi suất tiền gửi tăng sẽ xảy ra xu hướng rút tiền từ các loại hình đầu tư có rủi ro cao hơn như đầu tư chứng khoán để gửi vào ngân hàng và ngược lại.

Đối với sự thay đổi về chỉ số lạm phát và tỷ giá hối đoái, những tác động tương tự lên giá chứng khoán sẽ diễn ra như nhà đầu tư sẽ mua ngoại tệ gởi tiết kiệm để tránh đồng tiền nội tệ giảm giá v.v...

2. Rủi ro từ đặc điểm kinh doanh

- Kinh doanh chính của Công ty hiện nay là khai thác mỏ và chế biến đá xây dựng. Vì vậy mỏ đá đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của Công ty. Các điều kiện địa chất mỏ, chất lượng đá và cơ sở hạ tầng của mỏ là những yếu tố quyết định tính hiệu quả của hoạt động khai thác.

Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu khảo sát khoa học đánh giá về trữ lượng và chất lượng nhằm mục đích giảm thiểu những rủi ro. Tuy nhiên những nghiên cứu đánh giá này không thể khắc phục và lường trước được hết các rủi ro trong quá trình khai thác làm tăng chi phí sản xuất của Công ty, thậm chí phải thay đổi cả công nghệ khai thác, giảm sản lượng, doanh thu, lợi nhuận. Công ty đang nghiên cứu để đa dạng hóa nguồn doanh thu của mình bằng hình thức đầu tư trực tiếp vào các lĩnh vực sản xuất các loại vật liệu xây dựng khác.

Mặt khác, mỏ đá Hóa An đã được khai thác trên 20 năm, sau từng năm để đảm bảo công suất hoạt động, Công ty lại phải tăng thêm độ sâu khai thác. Càng xuống sâu, các điều kiện làm việc càng khó khăn. Các sự cố sạt lở đá khi nổ mìn, nước mưa ngập mỏ v.v..., nếu có sẽ làm ảnh hưởng tới an toàn lao động và gây tổn kém về chi phí lẫn thời gian khắc phục. Bên cạnh đó, mỏ đá Hóa An chỉ được cấp phép khai thác đến năm 2010. Hết thời gian này, nếu công ty không gia hạn được giấy phép thì việc khai thác đá ở khu vực này có thể bị ngừng.

3. Rủi ro về pháp luật

- Liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, sự thay đổi của luật pháp, quy định nhà nước có thể có những tác động như sau:
 - Do thay đổi trong chính sách thuế tài nguyên: Các thay đổi trong mức thuế tài nguyên áp dụng cho lĩnh vực khai thác đá hiện nay của Công ty đều làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty. Do thuế tài nguyên được coi là một khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu thuế tài nguyên được điều chỉnh tăng trong các năm tới, lợi nhuận của Công ty sẽ bị giảm và ngược lại.
 - Do thay đổi trong quản lý môi trường: Sau khi giấy phép khai thác mỏ đá Hóa An hết hạn, Công ty có trách nhiệm khôi phục điều kiện môi trường của mỏ. Theo quy hoạch hiện nay, Công ty sẽ khôi phục theo hướng cải tạo thành khu du lịch. Nếu trong tương lai có những thay đổi trong quy hoạch, bắt buộc Công ty phải khôi phục mỏ theo một hướng khác, Công ty có thể phải chịu thêm chi phí trích trước lớn hơn hiện nay.

Ngoài ra, do hoạt động khai thác chế biến đá có gây những ảnh hưởng tới môi trường sống xung quanh như tình trạng bụi bặm do nghiền đá, tiếng động do nổ mìn phá đá

v.v... Nên nếu có những thay đổi trong quy định liên quan, Công ty có thể sẽ phải tăng thêm chi phí cho bảo vệ môi trường hiện nay hoặc thậm chí phải tìm mở mới cách xa cách khu dân cư để đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của nhà nước.

- Liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam: Việc niêm yết và huy động trên thị trường chứng khoán là những lĩnh vực còn rất mới mẻ. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện. Do đó việc sửa đổi, chỉnh sửa các quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước là tất yếu và sẽ có tác động đến các loại cổ phiếu đang được giao dịch trên thị trường nói chung và của Công ty nói riêng. Cụ thể là các quy định về thuế thu nhập khi đầu tư chứng khoán, công bố thông tin về hoạt động kinh doanh hàng quý của Công ty, biên độ giá giao dịch của cổ phiếu, khối lượng mua bán v.v...

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất thường, khả năng xảy ra rất hiếm hoi, nhưng khi xảy ra thì tác động rất lớn và nghiêm trọng. Đó là các hiện tượng do thiên tai gây ra như động đất, lụt bão, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v... Những hiện tượng này nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, thậm chí dẫn đến ngừng trệ hay chấm dứt tồn tại.

IX. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Báo cáo quyết toán quý 2/2006
- Phụ lục 2: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ chủ chốt mua cổ phần.

